

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



**Shape the future  
with confidence**

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



**MỤC LỤC**

|                                                            | <i>Trang</i> |
|------------------------------------------------------------|--------------|
| Thông tin chung                                            | 1 - 2        |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc                              | 3            |
| Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ   | 4 - 5        |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ                 | 6 - 8        |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ | 9 - 10       |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ           | 11 - 12      |
| Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ        | 13 - 65      |

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2006, và GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 34 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 8 năm 2025.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính tại số 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                        |                                     |                                     |
|------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| Bà Lê Phương Thảo      | Chủ tịch                            |                                     |
| Ông Nguyễn Hoàng Giang | Phó Chủ tịch,<br>Thành viên độc lập |                                     |
| Ông Đinh Hoài Nam      | Thành viên độc lập                  |                                     |
| Bà Ngô Thị Vân Hạnh    | Thành viên                          |                                     |
| Ông Kim Min Soo        | Thành viên                          | miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025 |

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                       |            |                                     |
|-----------------------|------------|-------------------------------------|
| Ông Nguyễn Văn Nam    | Trưởng ban |                                     |
| Ông Vương Hồ Trí Dũng | Thành viên |                                     |
| Bà Lê Thị Hoa         | Thành viên | bỏ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025   |
| Bà Lê Thị Bích Hằng   | Thành viên | miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025 |

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                     |                   |                                     |
|---------------------|-------------------|-------------------------------------|
| Bà Ngô Thị Vân Hạnh | Tổng Giám đốc     |                                     |
| Ông Yam Kong Fatt   | Phó Tổng Giám đốc |                                     |
| Ông Phạm Minh Tiến  | Phó Tổng Giám đốc |                                     |
| Ông Chế Đoàn Viên   | Phó Tổng Giám đốc | miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2025 |
| Ông Kim Min Soo     | Phó Tổng Giám đốc | miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025 |

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                     |                            |
|---------------------|----------------------------|
| Bà Lê Phương Thảo   | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| Bà Ngô Thị Văn Hạnh | Tổng Giám đốc              |

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Ngô Thị Vân Hạnh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025



Shape the future  
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited  
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward  
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Email: eyhcmc@vn.ey.com  
Website (EN): ey.com/en\_vn  
Website (VN): ey.com/vi\_vn

Số tham chiếu: 12925844/68610550/LR/HN

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 65, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đi kèm.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



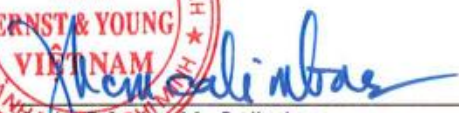
Shape the future  
with confidence

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



  
Maria Cristina M. Calimbas  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1073-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

| Mã số      | TÀI SẢN                                      | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 |
|------------|----------------------------------------------|-------------|--------------------------|---------------------------|
| <b>100</b> | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   |             | <b>1.676.993.352.583</b> | <b>1.305.306.889.451</b>  |
| <b>110</b> | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>5</b>    | <b>184.593.738.841</b>   | <b>136.236.074.178</b>    |
| 111        | 1. Tiền                                      |             | 180.593.738.841          | 125.344.482.100           |
| 112        | 2. Các khoản tương đương tiền                |             | 4.000.000.000            | 10.891.592.078            |
| <b>120</b> | <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         |             | <b>230.000.000</b>       | <b>1.230.000.000</b>      |
| 123        | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 6           | 230.000.000              | 1.230.000.000             |
| <b>130</b> | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      |             | <b>1.387.845.205.207</b> | <b>1.101.930.451.740</b>  |
| 131        | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 7           | 637.140.604.972          | 351.157.857.253           |
| 132        | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 8           | 424.410.372.818          | 353.377.447.486           |
| 135        | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn              | 9           | 245.622.235.018          | 355.269.960.018           |
| 136        | 4. Phải thu ngắn hạn khác                    | 10          | 97.768.903.125           | 113.140.517.320           |
| 137        | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 11          | (17.096.910.726)         | (71.015.330.337)          |
| <b>140</b> | <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>12</b>   | <b>93.413.688.827</b>    | <b>40.804.852.414</b>     |
| 141        | 1. Hàng tồn kho                              |             | 93.413.688.827           | 40.804.852.414            |
| <b>150</b> | <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              |             | <b>10.910.719.708</b>    | <b>25.105.511.119</b>     |
| 151        | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 13          | 6.267.427.667            | 15.054.268.237            |
| 152        | 2. Thuế GTGT được khấu trừ                   | 20          | 4.553.264.575            | 10.019.963.592            |
| 153        | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 20          | 90.027.466               | 31.279.290                |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

| Mã số      | TÀI SẢN                              | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 |
|------------|--------------------------------------|-------------|--------------------------|---------------------------|
| <b>200</b> | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>            |             | <b>968.882.624.663</b>   | <b>1.207.562.711.144</b>  |
| <b>210</b> | <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b> |             | <b>336.421.579.322</b>   | <b>477.290.973.579</b>    |
| 211        | 1. Phải thu dài hạn của khách hàng   | 7           | 24.000.000.000           | 24.000.000.000            |
| 215        | 2. Phải thu về cho vay dài hạn       | 9           | 9.090.000.000            | 10.990.000.000            |
| 216        | 3. Phải thu dài hạn khác             | 10          | 303.331.579.322          | 442.300.973.579           |
| <b>220</b> | <b>II. Tài sản cố định</b>           |             | <b>212.022.402.177</b>   | <b>208.544.841.945</b>    |
| 221        | 1. Tài sản cố định hữu hình          | 14          | 5.621.572.143            | 10.300.656.939            |
| 222        | Nguyên giá                           |             | 11.955.945.793           | 16.097.844.675            |
| 223        | Giá trị khấu hao lũy kế              |             | (6.334.373.650)          | (5.797.187.736)           |
| 227        | 2. Tài sản cố định vô hình           | 15          | 206.400.830.034          | 198.244.185.006           |
| 228        | Nguyên giá                           |             | 272.358.950.290          | 243.416.211.684           |
| 229        | Giá trị hao mòn lũy kế               |             | (65.958.120.256)         | (45.172.026.678)          |
| <b>240</b> | <b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>  |             | <b>88.366.481.482</b>    | <b>63.162.748.821</b>     |
| 242        | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang   | 16          | 88.366.481.482           | 63.162.748.821            |
| <b>250</b> | <b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>  | <b>18</b>   | <b>9.544.293.480</b>     | <b>111.178.423.767</b>    |
| 252        | 1. Đầu tư vào công ty liên kết       | 18.1        | 2.336.442.525            | 103.807.419.542           |
| 253        | 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác    | 18.2        | 19.715.625.000           | 19.715.625.000            |
| 254        | 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 18.2        | (12.507.774.045)         | (12.344.620.775)          |
| <b>260</b> | <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>       |             | <b>322.527.868.202</b>   | <b>347.385.723.032</b>    |
| 261        | 1. Chi phí trả trước dài hạn         | 13          | 32.675.697.273           | 42.009.118.834            |
| 262        | 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại    | 33.3        | 3.994.102.289            | 3.513.354.336             |
| 269        | 3. Lợi thế thương mại                | 17          | 285.858.068.640          | 301.863.249.862           |
| <b>270</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>             |             | <b>2.645.875.977.246</b> | <b>2.512.869.600.595</b>  |

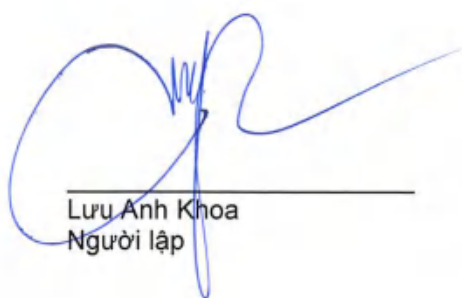
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

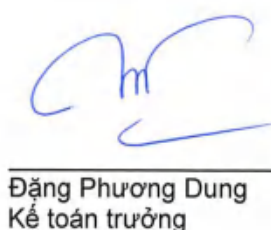
VND

| Mã số      | NGUỒN VỐN                                                         | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 |
|------------|-------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------|---------------------------|
| <b>300</b> | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                                             |             | <b>543.947.737.157</b>   | <b>1.012.991.101.726</b>  |
| <b>310</b> | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                                             |             | <b>500.553.229.872</b>   | <b>962.985.040.933</b>    |
| 311        | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                                    | 19.1        | 114.291.779.852          | 137.590.758.890           |
| 312        | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                              | 19.2        | 53.770.034.110           | 13.959.803.176            |
| 313        | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                            | 20          | 21.531.112.575           | 40.757.934.104            |
| 314        | 4. Phải trả người lao động                                        |             | 10.754.375.218           | 14.383.857.602            |
| 315        | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                                      | 21          | 74.653.710.773           | 78.176.209.568            |
| 319        | 6. Phải trả ngắn hạn khác                                         | 22          | 53.542.147.797           | 147.901.263.340           |
| 320        | 7. Vay ngắn hạn                                                   | 23          | 169.158.951.739          | 527.364.096.445           |
| 322        | 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi                                       |             | 2.851.117.808            | 2.851.117.808             |
| <b>330</b> | <b>II. Nợ dài hạn</b>                                             |             | <b>43.394.507.285</b>    | <b>50.006.060.793</b>     |
| 338        | 1. Vay dài hạn                                                    | 23          | 43.394.507.285           | 50.006.060.793            |
| <b>400</b> | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                          |             | <b>2.101.928.240.089</b> | <b>1.499.878.498.869</b>  |
| <b>410</b> | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                          |             | <b>2.101.928.240.089</b> | <b>1.499.878.498.869</b>  |
| 411        | 1. Vốn cổ phần                                                    | 24.1        | 1.918.020.350.000        | 1.370.014.540.000         |
| 411a       | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                          |             | 1.918.020.350.000        | 1.370.014.540.000         |
| 412        | 2. Thặng dư vốn cổ phần                                           | 24.1        | 75.418.254               | 140.518.254               |
| 417        | 3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                     |             | 77.790.509               | -                         |
| 421        | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                              | 24.1        | 128.158.475.250          | 72.654.634.776            |
| 421a       | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ) lũy kế đến cuối kỳ trước |             | 72.118.115.899           | (53.053.428.791)          |
| 421b       | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                        |             | 56.040.359.351           | 125.708.063.567           |
| 429        | 5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát                                | 26          | 55.596.206.076           | 57.068.805.839            |
| <b>440</b> | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                        |             | <b>2.645.875.977.246</b> | <b>2.512.869.600.595</b>  |

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

  
Lưu Anh Khoa  
Người lập

  
Đặng Phương Dung  
Kế toán trưởng

  
Ngô Thị Văn Hạnh  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU                                           | Thuyết minh | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 |
|-------|----------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 01    | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 27.1        | 676.843.357.817                                            | 284.036.464.970                                            |
| 02    | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    |             | -                                                          | -                                                          |
| 10    | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 27.1        | 676.843.357.817                                            | 284.036.464.970                                            |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp            | 28          | (582.686.828.078)                                          | (252.385.224.394)                                          |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   |             | 94.156.529.739                                             | 31.651.240.576                                             |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 27.2        | 66.658.614.863                                             | 76.991.631.271                                             |
| 22    | 7. Chi phí tài chính                               | 29          | (15.533.996.917)                                           | (10.756.892.904)                                           |
| 23    | Trong đó: Chi phí lãi vay                          |             | (14.423.219.934)                                           | (8.306.578.721)                                            |
| 24    | 8. Phần lỗ trong công ty liên kết                  | 18.1        | (112.840.128)                                              | (2.740.102.409)                                            |
| 25    | 9. Chi phí bán hàng                                | 30          | (15.491.697.806)                                           | (9.552.339.701)                                            |
| 26    | 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                   | 30          | (64.117.295.146)                                           | (57.928.647.472)                                           |
| 30    | 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        |             | 65.559.314.605                                             | 27.664.889.361                                             |
| 31    | 12. Thu nhập khác                                  |             | 54.572.152                                                 | 42.339.632                                                 |
| 32    | 13. Chi phí khác                                   | 31          | (4.078.606.100)                                            | (2.193.656.348)                                            |
| 40    | 14. Lỗ khác                                        |             | (4.024.033.948)                                            | (2.151.316.716)                                            |
| 50    | 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              |             | 61.535.280.657                                             | 25.513.572.645                                             |
| 51    | 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành                    | 33.1        | (2.728.617.644)                                            | (434.455.909)                                              |
| 52    | 17. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại          | 33.1        | 480.747.953                                                | (3.624.665.475)                                            |
| 60    | 18. Lợi nhuận sau thuế TNDN                        |             | 59.287.410.966                                             | 21.454.451.261                                             |

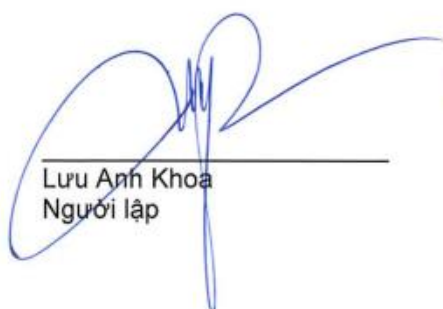
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU                                                | Thuyết minh | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 |
|-------|---------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 61    | 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                   |             | 56.040.359.351                                             | 29.135.069.765                                             |
| 62    | 20. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 26          | 3.247.051.615                                              | (7.680.618.504)                                            |
| 70    | 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)             | 25          | 328                                                        | 213                                                        |
| 71    | 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)           | 25          | 328                                                        | 213                                                        |

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

  
Lưu Anh Khoa  
Người lập

  
Đặng Phương Dung  
Kế toán trưởng

  
Ngô Thị Vân Hạnh  
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

| Mã số     | CHỈ TIÊU                                                                  | Thuyết minh | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| <b>01</b> | <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                         |             |                                                            |                                                            |
|           | <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>                                  |             | <b>61.535.280.657</b>                                      | <b>25.513.572.645</b>                                      |
|           | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>                                          |             |                                                            |                                                            |
| 02        | Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại         | 14, 15,17   | 40.031.269.043                                             | 17.319.691.169                                             |
| 03        | Các khoản dự phòng                                                        |             | 472.550.085                                                | 10.801.953.926                                             |
| 05        | Lãi từ hoạt động đầu tư                                                   |             | (64.981.331.456)                                           | (72.255.653.930)                                           |
| 06        | Chi phí lãi vay                                                           | 29          | 14.423.219.934                                             | 8.306.578.721                                              |
| <b>08</b> | <b>Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b> |             | <b>51.480.988.263</b>                                      | <b>(10.313.857.469)</b>                                    |
| 09        | Tăng các khoản phải thu                                                   |             | (96.373.813.463)                                           | (208.586.233.226)                                          |
| 10        | Tăng hàng tồn kho                                                         |             | (52.686.293.328)                                           | (65.949.687.031)                                           |
| 11        | Tăng các khoản phải trả                                                   |             | 32.454.181.437                                             | 212.032.103.673                                            |
| 12        | Tăng chi phí trả trước                                                    |             | 18.326.521.550                                             | 25.110.953.327                                             |
| 14        | Tiền lãi vay đã trả                                                       |             | (27.579.955.564)                                           | (5.390.926.893)                                            |
| 15        | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                         | 20          | (7.920.295.792)                                            | (151.736.409)                                              |
| <b>20</b> | <b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>             |             | <b>(82.298.666.897)</b>                                    | <b>(53.249.384.028)</b>                                    |
|           | <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                            |             |                                                            |                                                            |
| 21        | Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định                           |             | (101.107.726.321)                                          | (61.290.018.796)                                           |
| 23        | Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay                                             |             | (90.393.275.000)                                           | (51.284.736.065)                                           |
| 24        | Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn và cho vay                                |             | 77.220.000.000                                             | 50.018.134.521                                             |
| 25        | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                   |             | (1.778.431.605)                                            | (34.186.277.729)                                           |
| 26        | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                               |             | 676.570.416                                                | 15.695.795.174                                             |
| 27        | Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay                                        |             | 31.390.832.928                                             | 22.735.725.627                                             |
| <b>30</b> | <b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>                 |             | <b>(83.992.029.582)</b>                                    | <b>(58.311.377.268)</b>                                    |



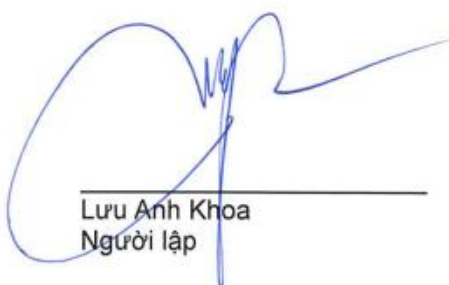
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU                                                | Thuyết minh | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 |
|-------|---------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
|       | <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>      |             |                                                            |                                                            |
| 31    | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu                          |             | 547.940.710.000                                            | -                                                          |
| 31    | Cổ đông không kiểm soát góp vốn                         |             | 104.686.684                                                | -                                                          |
| 33    | Tiền vay nhận được                                      | 23          | 151.993.549.102                                            | 200.819.383.783                                            |
| 34    | Tiền chi trả nợ gốc vay                                 | 23          | (484.259.338.225)                                          | (90.490.249.421)                                           |
| 36    | Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát               | 26          | (1.242.640.000)                                            | -                                                          |
| 40    | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính            |             | <b>214.536.967.561</b>                                     | <b>110.329.134.362</b>                                     |
| 50    | Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ      |             | <b>48.246.271.082</b>                                      | <b>(1.231.626.934)</b>                                     |
| 60    | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ                         |             | <b>136.236.074.178</b>                                     | <b>8.461.339.357</b>                                       |
| 61    | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ |             | 111.393.581                                                | -                                                          |
| 70    | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ                        | 5           | <b>184.593.738.841</b>                                     | <b>7.229.712.423</b>                                       |

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

  
Lưu Anh Khoa  
Người lập

  
Đặng Phương Dung  
Kế toán trưởng

  
  
Ngô Thị Văn Hạnh  
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006, và GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 34 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 8 năm 2025.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 303 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 316).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 10 công ty con trực tiếp và 11 công ty con gián tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2024; 11 công ty con trực tiếp và 12 công ty con gián tiếp) với chi tiết như sau:

| STT | Tên công ty con                     | Pháp lý                                                                                                                    | Địa điểm                                             | Hoạt động chính                                                | Ngày 30 tháng 6 năm 2025 |                  | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 |                  |
|-----|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------|---------------------------|------------------|
|     |                                     |                                                                                                                            |                                                      |                                                                | Tỷ lệ sở hữu             | Tỷ lệ biểu quyết | Tỷ lệ sở hữu              | Tỷ lệ biểu quyết |
| 1   | Công ty TNHH 1Production ("1Pro")   | GCNĐKDN số 0317690271 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh ("TPHCM") cấp ngày 21 tháng 2 năm 2023, và GCNĐKDN điều chỉnh sau đó | 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, TPHCM, Việt Nam | Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình | 100,00%                  | 100,00%          | 100,00%                   | 100,00%          |
| 2   | Công ty TNHH 1Talents ("1Talents")  | GCNĐKDN số 0318105371 do SKH&ĐT TPHCM cấp vào ngày 16 tháng 10 năm 2023                                                    | 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, TPHCM, Việt Nam | Dịch vụ quảng cáo                                              | 100,00%                  | 100,00%          | 100,00%                   | 100,00%          |
| 3   | Công ty Cổ phần 1Label ("1Label")   | GCNĐKDN số 0318347998 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 14 tháng 3 năm 2024 GCNĐKDN điều chỉnh sau đó                               | 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, TPHCM, Việt Nam | Quảng cáo                                                      | 100,00%                  | 100,00%          | 51,00%                    | 51,00%           |
| 4   | Công ty TNHH 1Brandlink             | GCNĐKDN số 0318106103 do SKH&ĐT TPHCM cấp vào ngày 17 tháng 10 năm 2023                                                    | 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, TPHCM, Việt Nam | Dịch vụ quảng cáo                                              | 100,00%                  | 100,00%          | 100,00%                   | 100,00%          |
| 5   | Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam | GCNĐKDN số 0314526114 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó                       | 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, TPHCM, Việt Nam | Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thẩm dò dư luận            | 100,00%                  | 100,00%          | 99,89%                    | 100,00%          |
| 6   | Công ty TNHH Yeah1 Up ("Y1U")       | GCNĐKDN số 0317420589 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 8 tháng 8 năm 2022, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó                        | 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, TPHCM, Việt Nam | Quảng cáo, sản xuất chương trình                               | 100,00%                  | 100,00%          | 99,99%                    | 100,00%          |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

| STT | Tên công ty con                                                     | Pháp lý                                                                                                         | Địa điểm                                                                                      | Hoạt động chính                                                      | Ngày 30 tháng 6 năm 2025 |                  |  | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 |                  |  |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------|--|---------------------------|------------------|--|
|     |                                                                     |                                                                                                                 |                                                                                               |                                                                      | Tỷ lệ sở hữu             | Tỷ lệ biểu quyết |  | Tỷ lệ sở hữu              | Tỷ lệ biểu quyết |  |
| 7   | Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital ("Edigital")                         | GCNĐKDN số 0311465311 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 4 tháng 1 năm 2012, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó             | Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TPHCM, Việt Nam   | Quảng cáo, sản xuất chương trình                                     | 69,55%                   | 69,55%           |  | 69,55%                    | 69,55%           |  |
| 8   | Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("Netlink") | GCNĐKDN số 0109406470 do SKH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 5 tháng 11 năm 2020, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó | Tầng 4, Tòa nhà Star Tower, lô D32 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam | Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin                               | 69,00%                   | 69,00%           |  | 69,00%                    | 69,00%           |  |
| 9   | Công ty TNHH Giải trí và Truyền Thông Mango+ ("Mango+")             | GCNĐKDN số 1301125847 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 21 tháng 7 năm 2023, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó            | 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, TPHCM, Việt Nam                                          | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình | 100,00%                  | 100,00%          |  | 69,55%                    | 100,00%          |  |
| 10  | Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số ("CDS") (*)       | GCNĐKDN số 1301092937 do SKH&ĐT Tỉnh Bến Tre cấp ngày 11 tháng 6 năm 2020, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó     | Số 48, Đường Hai Bà Trưng, Phường An Hội, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam                              | Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính                        | 51,00%                   | 51,00%           |  | 51,00%                    | 51,00%           |  |
| 11  | Công ty Cổ phần Siêu Sao Yeah1 ("YSS") (*)                          | GCNĐKDN số 0316198596 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó             | Số 191, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TPHCM, Việt Nam                             | Quảng cáo                                                            | 50,98%                   | 50,98%           |  | 50,98%                    | 50,98%           |  |
| 12  | Công ty TNHH Yeah1 Publishing                                       | GCNĐKDN số 0314688330 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 19 tháng 10 năm 2017, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó           | Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TPHCM, Việt Nam   | Quảng cáo                                                            | 64,86%                   | 94,00%           |  | 64,86%                    | 94,00%           |  |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

| STT | Tên công ty con                                      | Pháp lý                                                                                                                  | Địa điểm                                                                                 | Hoạt động chính                                                                                                                   | Ngày 30 tháng 6 năm 2025 |                  |  | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 |                  |  |
|-----|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------|--|---------------------------|------------------|--|
|     |                                                      |                                                                                                                          |                                                                                          |                                                                                                                                   | Tỷ lệ sở hữu             | Tỷ lệ biểu quyết |  | Tỷ lệ sở hữu              | Tỷ lệ biểu quyết |  |
| 13  | Netlink Communication Technology Ltd ("Netlink BVI") | Mã số doanh nghiệp số BVI:2093531 do Cơ quan đăng ký doanh nghiệp Quần đảo Virgin thuộc Anh cấp ngày 10 tháng 3 năm 2022 | British Virgin Islands                                                                   | Tư vấn marketing, quảng cáo, gia công phần mềm, dịch vụ tư vấn quản lý, tổ chức sự kiện và nghiên cứu thị trường, thăm dò dư luận | 35,18%                   | 50,99%           |  | 35,18%                    | 50,99%           |  |
| 14  | Netlink Online Pte Ltd                               | Mã số doanh nghiệp số BVI:2093531 do Cơ quan đăng ký doanh nghiệp Quần đảo Virgin thuộc Anh cấp ngày 10 tháng 3 năm 2022 | 470 North Bride Road #05-12 Bugis Cube, Singapore                                        | Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin                                                                                            | 35,18%                   | 100,00%          |  | 35,18%                    | 100,00%          |  |
| 15  | Web Publishing Corp.                                 | Mã số doanh nghiệp số 2165257 do Cơ quan đăng ký doanh nghiệp Quần đảo Virgin thuộc Anh cấp ngày 13 tháng 12 năm 2024    | OMC Chambers, Wickhams Cay 1, Road Town, Tortola, British Virgin Islands                 | Quảng cáo                                                                                                                         | 17,63%                   | 50,10%           |  | -                         | -                |  |
| 16  | Công ty Cổ phần Netlink ("CP Netlink")               | GCNĐKDN số 0110853219 do SKH&ĐT Hà Nội cấp ngày 3 tháng 10 năm 2024, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó                    | Tầng 2, tòa Dolphin Plaza, số 6 Nguyễn Hoàng, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Quảng cáo                                                                                                                         | 17,24%                   | 99,9%            |  | -                         | -                |  |
| 17  | Công ty TNHH Tíng Tíng Network                       | GCNĐKDN số 0317396978 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 21 tháng 7 năm 2022, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó                     | Số 70, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Xuân Hòa, TP HCM, Việt Nam                          | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                | 69,55%                   | 100,00%          |  | 69,55%                    | 100,00%          |  |
| 18  | Công ty TNHH Big Cat ("BigCat")                      | GCNĐKDN số 131706995 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 6 tháng 12 năm 2021, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó                      | 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, TP HCM, Việt Nam                                    | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                | 55,64%                   | 80,00%           |  | 55,64%                    | 80,00%           |  |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

| STT | Tên công ty con                                      | Pháp lý                                                                                                        | Địa điểm                                                                                                 | Hoạt động chính                                                               | Số cuối năm  |                  | Số đầu năm   |                  |
|-----|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|
|     |                                                      |                                                                                                                |                                                                                                          |                                                                               | Tỷ lệ sở hữu | Tỷ lệ biểu quyết | Tỷ lệ sở hữu | Tỷ lệ biểu quyết |
| 19  | Công ty Cổ phần Tstudio ("Tstudio")                  | GCNĐKDN số 0316490939 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 17 tháng 9 năm 2020, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó           | 170N Nơ Trang Long, Phường Bình Thạnh, TPHCM, Việt Nam                                                   | Hoạt động nhiếp ảnh                                                           | 41,69%       | 59,95%           | 41,69%       | 59,95%           |
| 20  | Công ty TNHH Việt Nam Music Award ("VMA")            | GCNĐKDN số 0317626318 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 17 tháng 9 năm 2020, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó           | Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TPHCM, Việt Nam              | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan, quảng cáo                 | 35,47%       | 51,00%           | 35,47%       | 51,00%           |
| 21  | Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số ("DCC")           | GCNĐKDN số 1301046426 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 29 tháng 12 năm 2017, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó          | 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, TPHCM, Việt Nam                                                     | Cung cấp dịch vụ tạo lập nội dung số, quảng cáo điện tử và cho thuê văn phòng | 69,55%       | 100,00%          | 69,55%       | 100,00%          |
| 22  | Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1 ("Giga1") | GCNĐKDN số 0102349978 do SKH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó | Tầng 4, Tòa nhà Star Tower, lô D32, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Công nghệ, bán buôn                                                           | -            | -                | 99,99%       | 99,99%           |
| 23  | Công ty Cổ phần Gigagoods ("Gigagoods")              | GCNĐKDN số 0316763583 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 22 tháng 3 năm 2021, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó           | Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TPHCM, Việt Nam              | Bán lẻ                                                                        | -            | -                | 50,99%       | 51,00%           |
| 24  | Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin ("Gigawin")        | GCNĐKDN số 0316703552 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 2 tháng 2 năm 2011, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó            | Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TPHCM, Việt Nam              | Quảng cáo                                                                     | -            | -                | 58,99%       | 59,00%           |

(\*) Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn bổ sung vốn điều lệ tại các công ty con này (Thuyết minh số 36.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của công ty mẹ và báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- Hàng hóa và bản quyền chương trình: chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh; và
- Chi phí sản xuất dở dang: giá gốc bán thành phẩm áp dụng theo phương pháp thực tế đích danh và bình quân gia quyền tùy vào đặc thù của từng loại chi phí.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

|                           |             |
|---------------------------|-------------|
| Nhãn hiệu, tên thương mại | 10 - 44 năm |
| Máy móc và thiết bị       | 3 - 10 năm  |
| Phương tiện vận tải       | 3 - 10 năm  |
| Chương trình phim ngắn    | 5 năm       |
| Thiết bị văn phòng        | 3 - 10 năm  |
| Phần mềm máy tính         | 5 - 6 năm   |
| Nhà cửa và vật kiến trúc  | 5 năm       |

#### 3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt hoặc xây dựng tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị của Nhóm Công ty mà chưa hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Chi phí xây dựng cơ bản không được khấu trừ cho đến khi nó đã hoàn thành và đưa vào hoạt động.

#### 3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

#### 3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Chi phí trả trước (tiếp theo)

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- ▶ Các chương trình truyền hình đang phát sóng;
- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- ▶ Phí dịch vụ trả trước khác.

#### 3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

#### 3.12 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 *Vốn góp của chủ sở hữu*

##### *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

#### 3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành nghiệm thu.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 3.18 *Thuế*

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán giữa niên độ khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

#### 3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.20 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Các bộ phận chính theo hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty bao gồm hoạt động kinh doanh cung cấp bản quyền nội dung số, dịch vụ giải trí và truyền thông.

#### 3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình mật thiết trong gia đình của họ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

##### 4.1 *Góp vốn thành lập Web Publishing Corp.*

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2025, Netlink BVI, Công ty con gián tiếp của Nhóm Công ty, đã góp vốn thành lập Web Publishing Corp. theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 2093531 ngày 17 tháng 3 năm 2025 và đã nhận được Giấy chứng nhận thành lập số 2165257 Cơ quan đăng ký kinh doanh Quận đảo Virgin thuộc Anh cấp ngày 13 tháng 12 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Web Publishing Corp lần lượt là 50,10% và 17,63%.

##### 4.2 *Nhận chuyển nhượng cổ phần của Mango+*

Theo Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị số 164/2504/QĐ/CTHĐQT/YEG ngày 25 tháng 4 năm 2025, Công ty đã nhận chuyển nhượng phần vốn góp với giá trị là 500.000.000 VND tương ứng 100% tỷ lệ sở hữu trong Mango+ từ DCC - một Công ty con gián tiếp của Công ty vào ngày 25 tháng 4 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Mango+ tăng từ 69,5458% lên 100% và Mango+ trở thành Công ty con trực tiếp của Công ty kể từ ngày này.

##### 4.3 *Nhận chuyển nhượng thêm cổ phần trong các công ty con hiện hữu*

###### *1Label*

Theo Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị số 1092/2411/QĐ/CTHĐQT/YEG ngày 29 tháng 11 năm 2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng 97.600 cổ phần tương ứng với 49% tỷ lệ sở hữu trong 1Label từ các bên thứ ba với giá trị chuyển nhượng là 2.013.600.000 VND vào ngày 22 tháng 5 năm 2025. Theo đó, sau khi hoàn tất chuyển nhượng, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong 1Label tăng từ 51% lên 99,80% kể từ ngày này.

###### *Y1U*

Theo phê duyệt của Chủ tịch Hội đồng Quản trị số 197/2505/QĐ/CTHĐQT/YEG ngày 10 tháng 5 năm 2025, Công ty đã nhận chuyển nhượng 8% tỷ lệ sở hữu trong Y1U từ bên thứ ba với giá trị chuyển nhượng là 2.000.000.000 VND vào ngày 15 tháng 5 năm 2025. Theo đó, sau khi hoàn tất chuyển nhượng, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Y1U tăng từ 92% lên 100% kể từ ngày này.

##### 4.4 *Chuyển nhượng cổ phần trong công ty con hiện hữu và công ty liên kết*

###### *Giga1*

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, Công ty đã chuyển nhượng 35.999.600 cổ phần, tương ứng với 99.999% cổ phần của Giga1 cho đối tác với giá chuyển nhượng là 450.000.000.000 VND căn cứ Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 910/2408/BBH/HĐQT/YEG ngày 19 tháng 8 năm 2024 và theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 84/2503/NQ/HĐQT/YEG ngày 24 tháng 3 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Giga1 giảm từ 99.999% xuống 0% và Giga1 và hai công ty con của Giga1 là Gigawin và Gigagoods không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lãi với số tiền 54.170.667.073 VND từ việc chuyển nhượng này vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (Thuyết minh số 27.2).

###### *1Talents*

Theo Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị số 205/2505/QĐ/CTHĐQT/YEG ngày 22 tháng 5 năm 2025, Công ty đã chuyển nhượng 2.000.000.000 VND vốn góp, tương đương 100% vốn điều lệ của 1Talents cho Công ty Cổ phần 1Label ("1Label") – một công ty con của Công ty với giá chuyển nhượng là 2.000.000.000 VND vào ngày 22 tháng 5 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết của Nhóm Công ty trong 1Talents giữ nguyên là 100% và 1Talents trở thành công ty con gián tiếp của Công ty kể từ ngày này.

###### *Công ty Cổ phần 1Social ("1Social")*

Theo Quyết định của Chủ tịch của 1Talents số 39/2505/QĐ/CTCT/1TALENTS ngày 23 tháng 5 năm 2025, 1Talents – một Công ty con của Công ty đã chuyển nhượng 49.000 cổ phần, tương đương 49% vốn điều lệ của 1Social cho một bên thứ ba vào ngày 23 tháng 5 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong 1Social giảm từ 49% xuống 0% và 1Social không còn là công ty liên kết của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ (tiếp theo)**

**4.5 Nhận chuyển nhượng cổ phần CP Netlink**

Theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Netlink BVI số 02/BVI/2025 ngày 18 tháng 6 năm 2025, Netlink BVI – công ty con gián tiếp của Công ty đã nhận chuyển nhượng 49.000 cổ phần từ ông Nguyễn Văn Dũng tương ứng với 49% tỷ lệ sở hữu trong Công ty CP Netlink. Theo đó, Công ty CP Netlink trở thành công ty con gián tiếp của Nhóm Công ty kể từ ngày này. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Nhóm Công ty nắm giữ 99,996% quyền biểu quyết tương ứng trong Công ty CP Netlink.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả của Netlink Việt Nam tại ngày hợp nhất kinh doanh được trình bày như sau:

|                                                             |                                             |
|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
|                                                             | VND                                         |
|                                                             | <i>Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày mua</i> |
| <b>Tài sản</b>                                              |                                             |
| Tiền                                                        | 1.235.168.395                               |
| Các khoản phải thu                                          | 1.534.049.439                               |
| Chi phí trả trước                                           | 206.259.419                                 |
| Tài sản cố định                                             | 34.889.168                                  |
|                                                             | <b>3.010.366.421</b>                        |
| <b>Nợ phải trả</b>                                          |                                             |
| Các khoản phải trả khác                                     | 1.829.213.232                               |
|                                                             | <b>1.829.213.232</b>                        |
| <b>Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý</b>               | <b>1.181.153.189</b>                        |
| Cổ đông không kiểm soát ( <i>Thuyết minh số 26</i> )        | 149.922.323                                 |
| Lãi từ giao dịch mua giá rẻ                                 | 31.230.866                                  |
|                                                             | <b>1.000.000.000</b>                        |
| <b>Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán</b>       |                                             |
| <b>Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con</b> |                                             |
| Tiền chi để mua công ty con                                 | 1.000.000.000                               |
| Tiền thu về từ công ty con                                  | 1.235.168.395                               |
|                                                             | <b>(235.168.395)</b>                        |

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                                |                                  |
|--------------------------------|----------------------------------|
|                                | VND                              |
|                                | <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>  |
|                                | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i> |
| Tiền mặt                       | 1.723.870                        |
| Tiền gửi ngân hàng             | 180.592.014.971                  |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 4.000.000.000                    |
|                                | <b>184.593.738.841</b>           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>               | <b>136.236.074.178</b>           |

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc ba tháng và hưởng lãi suất từ 0,2% đến 3,25%/năm.

**6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc 12 tháng và hưởng lãi suất dao động từ 5,85% đến 9%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | VND                                                                 |                                                                     |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2025                                         | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2024                                        |
| <b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                     |                                                                     |
| Các bên khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 636.928.024.972                                                     | 350.514.160.122                                                     |
| Công ty Cổ phần Tera Ventures (*)                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 364.277.800.000                                                     | -                                                                   |
| Công ty Cổ phần King Production                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 44.389.974.926                                                      | 15.876.544.444                                                      |
| Công ty Cổ phần Trung tâm Thương mại<br>Toàn Cầu                                                                                                                                                                                                                                                                        | 23.562.194.000                                                      | 27.942.944.000                                                      |
| Yeah1 Network Pte Ltd                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 23.006.592.502                                                      | 29.908.674.402                                                      |
| Google Asia Pacific Pte. Ltd                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 16.695.503.734                                                      | 76.692.907.716                                                      |
| Công ty Cổ phần Phim Thiên Ngân                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 16.277.113.478                                                      | -                                                                   |
| WebTV Asia                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 14.279.039.430                                                      | -                                                                   |
| Something Big Pte. Ltd.                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 10.787.914.770                                                      | 12.749.205.275                                                      |
| Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV<br>("STV") (**)                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6.770.205.688                                                       | 7.167.983.087                                                       |
| Khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 116.881.686.444                                                     | 180.175.901.198                                                     |
| Bên liên quan (Thuyết minh số 34)                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 212.580.000                                                         | 643.697.131                                                         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>637.140.604.972</b>                                              | <b>351.157.857.253</b>                                              |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi<br>(Thuyết minh số 11)                                                                                                                                                                                                                                                               | (16.670.406.305)                                                    | (26.983.621.724)                                                    |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>620.470.198.667</b>                                              | <b>324.174.235.529</b>                                              |
| <b>Phải thu dài hạn của khách hàng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                     |                                                                     |
| Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần STV<br>(**) (***)                                                                                                                                                                                                                                                                     | 24.000.000.000                                                      | 24.000.000.000                                                      |
| (*) Đây là khoản phải thu từ chuyển nhượng cổ phần của Giga1 (Thuyết minh số 4.4), có ngày đến hạn thanh toán cuối cùng là ngày 31 tháng 12 năm 2025.                                                                                                                                                                   |                                                                     |                                                                     |
| (**) Đây là khoản phải thu từ chuyển nhượng cổ phần của STV, đến hạn thanh toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2026.                                                                                                                                                                                                          |                                                                     |                                                                     |
| (***) Khoản phải thu này, khoản phải thu về cho vay được trình bày ở Thuyết minh số 9 được đảm bảo bằng cổ phần của một công ty niêm yết thuộc sở hữu của bên thứ ba theo các Thỏa thuận Bảo lãnh. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các khoản phải thu này đã được các bên bảo đảm thanh toán. |                                                                     |                                                                     |
| <i>Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i>                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                     |                                                                     |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | VND                                                                 |                                                                     |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2024 |
| Số đầu kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 26.983.621.724                                                      | 26.716.111.468                                                      |
| Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 861.320.991                                                         | 5.479.478.787                                                       |
| Trừ: Xóa sổ dự phòng trong kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                           | (149.824.729)                                                       | -                                                                   |
| Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                        | (241.609.600)                                                       | (98.805.489)                                                        |
| Trừ: Thoái vốn công ty con                                                                                                                                                                                                                                                                                              | (10.783.102.081)                                                    | (1.466.126.850)                                                     |
| Số cuối kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 16.670.406.305                                                      | 30.630.657.916                                                      |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

|                                                                  | VND                         |                              |
|------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                                                  | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2024 |
| Các bên khác                                                     | 424.410.372.818             | 285.877.447.486              |
| Công ty Cổ phần Tera Group                                       | 160.114.476.520             | 209.318.476.520              |
| Công ty Cổ phần Quảng cáo Bỏ Công Anh<br>("Bỏ Công Anh")         | 148.022.000.000             | -                            |
| Công ty TNHH Truyền thông N.A.F                                  | 55.333.999.116              | -                            |
| Công ty Cổ phần Giải trí và Sự kiện Hand                         | 43.878.000.000              | -                            |
| Khác                                                             | 17.061.897.182              | 76.558.970.966               |
| Bên liên quan (Thuyết minh số 34)                                | -                           | 67.500.000.000               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                 | <b>424.410.372.818</b>      | <b>353.377.447.486</b>       |
| Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn<br>(Thuyết minh số 11) | (21.840.980)                | (17.054.323.569)             |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>                                             | <b>424.388.531.838</b>      | <b>336.323.123.917</b>       |

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn:

|                                   | VND                                                                 |                                                                     |
|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
|                                   | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2024 |
| Số đầu kỳ                         | 17.054.323.569                                                      | 18.449.320.801                                                      |
| Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ | -                                                                   | 75.254.541                                                          |
| Trừ: Xóa sổ dự phòng trong kỳ     | (8.160.450.000)                                                     | -                                                                   |
| Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ  | (79.259.961)                                                        | -                                                                   |
| Trừ: Thanh lý công ty con         | (8.792.772.628)                                                     | -                                                                   |
| Số cuối kỳ (Thuyết minh số 11)    | 21.840.980                                                          | 18.524.575.342                                                      |

## 9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

|                                                     | VND                         |                              |
|-----------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                                     | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2024 |
| <b>Ngắn hạn</b>                                     | <b>245.622.235.018</b>      | <b>355.269.960.018</b>       |
| Cho các bên khác vay                                | 245.622.235.018             | 355.269.960.018              |
| <b>Dài hạn</b>                                      | <b>9.090.000.000</b>        | <b>10.990.000.000</b>        |
| Cho bên khác vay                                    | 9.090.000.000               | 10.990.000.000               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                    | <b>254.712.235.018</b>      | <b>366.259.960.018</b>       |
| Dự phòng phải thu về cho vay<br>(Thuyết minh số 11) | -                           | (300.000.000)                |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>                                | <b>254.712.235.018</b>      | <b>365.959.960.018</b>       |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)**

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay nhằm hỗ trợ vốn lưu động như sau:

| <i>Bên vay</i>                                     | <i>Ngày 30 tháng 6<br/>năm 2025<br/>(VND)</i> | <i>Ngày đáo hạn</i>                                               | <i>Lãi<br/>suất<br/>%/<br/>năm</i> | <i>Hình thức<br/>đảm bảo</i>                                    |
|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| <b>Cho các bên khác vay ngắn hạn</b>               |                                               |                                                                   |                                    |                                                                 |
| Công ty Cổ phần<br>Vital Investments<br>Group (**) | 114.106.821.919                               | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2025                                      | 8,5                                | Cổ phiếu của một công<br>ty niêm yết thuộc sở<br>hữu bên thứ ba |
| STV (**)                                           | 41.968.500.000                                | (*)                                                               | 10,5                               | Cổ phiếu của một công<br>ty niêm yết thuộc sở<br>hữu bên thứ ba |
|                                                    | 6.400.000.000                                 | (*)                                                               | 10,5                               | Cổ phiếu của một công<br>ty niêm yết thuộc sở<br>hữu bên thứ ba |
|                                                    | 3.252.000.000                                 | (*)                                                               | 10,5                               | Cổ phiếu của một công<br>ty niêm yết thuộc sở<br>hữu bên thứ ba |
|                                                    | 1.950.000.000                                 | Ngày 12 tháng 1<br>năm 2026                                       | 7,0                                | Cổ phiếu của một công<br>ty niêm yết thuộc sở<br>hữu bên thứ ba |
|                                                    | 900.000.000                                   | Ngày 9 tháng 3<br>năm 2026                                        | 8,0                                | Cổ phiếu của một công<br>ty niêm yết thuộc sở<br>hữu bên thứ ba |
| Công ty TNHH<br>Media Kingdom<br>Việt Nam          | 23.708.000.000                                | Ngày 27 tháng 9<br>năm 2025                                       | 8,0                                | Tín chấp                                                        |
|                                                    | 1.900.000.000                                 | Ngày 1 tháng 4<br>năm 2026                                        | 8,0                                | Tín chấp                                                        |
|                                                    | 200.000.000                                   | Từ ngày 31 tháng<br>1 năm 2026 đến<br>ngày 28 tháng 2 năm<br>2026 | 10,5                               | Tín chấp                                                        |
| Công ty Cổ phần<br>Aiwize                          | 11.032.000.000                                | Ngày 31 tháng 7<br>năm 2025                                       | 10                                 | Cổ phiếu của một công<br>ty thuộc sở hữu bên<br>thứ ba          |
| Công ty Cổ phần<br>Công nghệ<br>Openworld          | 10.000.000.000                                | Ngày 31 tháng 7<br>năm 2025                                       | 10                                 | Cổ phiếu của một công<br>ty thuộc sở hữu bên<br>thứ ba          |
| Đinh Tấn Danh                                      | 8.550.000.000                                 | Ngày 15 tháng 8<br>năm 2025                                       | 10,5                               | Tín chấp                                                        |
| Công ty Cổ phần<br>Tera Group                      | 5.758.000.000                                 | Từ ngày 29 tháng 4<br>năm 2026 đến ngày<br>21 tháng 6 năm 2026    | 10,5                               | Tín chấp                                                        |
|                                                    | 145.000.000                                   | 30 tháng 6 năm 2026                                               | 10,5                               | Tín chấp                                                        |

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, các khoản cho vay này đã quá hạn thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)**

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay nhằm hỗ trợ vốn lưu động như sau: (tiếp theo)

| <i>Bên vay</i>                                      | <i>Ngày 30 tháng 6<br/>năm 2025<br/>(VND)</i> | <i>Ngày đáo hạn</i>                                               | <i>Lãi suất<br/>%/năm</i> | <i>Hình thức<br/>đảm bảo</i>                                       |
|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| <b>Cho các bên khác vay ngắn hạn (tiếp theo)</b>    |                                               |                                                                   |                           |                                                                    |
| Công ty Cổ phần<br>Truyền thông<br>Ontrendng (**)   | 5.683.138.099                                 | (*)                                                               | 8,0                       | Cổ phiếu của một<br>công ty niêm yết<br>thuộc sở hữu bên<br>thứ ba |
|                                                     | 633.000.000                                   | Ngày 11 tháng 11<br>năm 2025                                      | 8,0                       | Cổ phiếu của một<br>công ty niêm yết<br>thuộc sở hữu bên<br>thứ ba |
| Nhimdo properties<br>LLC                            | 2.855.050.000                                 | Ngày 4 tháng 5<br>năm 2026                                        | -                         | Tín chấp                                                           |
| Global App<br>Ventures Corp                         | 2.465.725.000                                 | Ngày 24 tháng 3<br>năm 2026                                       | -                         | Tín chấp                                                           |
| Công ty Cổ phần<br>ZeroZ Creative                   | 1.910.000.000                                 | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2026                                       | 10,5                      | Tín chấp                                                           |
| Công ty TNHH<br>Media Investment<br>Hub Việt Nam    | 1.115.000.000                                 | Ngày 31 tháng 1<br>năm 2026                                       | 10,5                      | Tín chấp                                                           |
| Công ty Cổ phần<br>Trung tâm Thương<br>mại Toàn Cầu | 770.000.000                                   | Từ ngày 26 tháng<br>5 năm 2026 đến<br>ngày 9 tháng 6<br>năm 2026  | 10,5                      | Tín chấp                                                           |
| Công Ty TNHH<br>Quảng Cáo Truyền<br>Thông TNT       | 145.000.000                                   | Từ ngày 27 tháng<br>5 năm 2026 đến<br>ngày 28 tháng 6<br>năm 2026 | 10,5                      | Tín chấp                                                           |
| Công ty TNHH<br>Thương mại Yeah1                    | 115.000.000                                   | Ngày 19 tháng 8<br>năm 2025                                       | 10,5                      | Tín chấp                                                           |
| Công Ty Cổ Phần<br>Giải Trí Và Sự Kiện<br>Hand      | 60.000.000                                    | Ngày 21 tháng 4<br>năm 2026                                       | -                         | Tín chấp                                                           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                    | <b><u>245.622.235.018</u></b>                 |                                                                   |                           |                                                                    |
| <b>Cho bên khác vay dài hạn</b>                     |                                               |                                                                   |                           |                                                                    |
| Công ty Cổ phần<br>Truyền thông Power<br>(***)      | <u>9.090.000.000</u>                          | Ngày 15 tháng 8<br>năm 2026                                       | 10,5                      | Tín chấp                                                           |

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, khoản cho vay này đã quá hạn thanh toán.

(\*\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, toàn bộ các khoản phải thu về cho vay này đã được các bên bảo đảm thanh toán.

(\*\*\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, khoản phải thu về cho vay này đã được thanh toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. PHẢI THU KHÁC**

|                                                                                   | VND                         |                              |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                                                                   | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2024 |
| <b>Ngắn hạn</b>                                                                   | <b>97.768.903.125</b>       | <b>113.140.517.320</b>       |
| Phải thu liên quan tới chi phí<br>xây lắp phim trường (i)                         | 39.525.627.784              | -                            |
| Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh:                                          | 26.633.635.182              | 45.763.157.895               |
| Trong đó:                                                                         |                             |                              |
| STV (ii)                                                                          | 26.163.157.895              | 26.163.157.895               |
| VTV Cab                                                                           | 470.477.287                 | -                            |
| Công ty TNHH Đầu tư Tân An Đông                                                   |                             |                              |
| Sài Gòn ("Tân An Đông")                                                           | -                           | 19.600.000.000               |
| Lãi dự thu từ cho vay và tiền gửi                                                 | 12.466.942.725              | 34.965.502.008               |
| Tạm ứng nhân viên                                                                 | 8.059.810.254               | 8.311.968.425                |
| Đặt cọc                                                                           | 1.503.218.797               | 3.278.064.894                |
| STVPro                                                                            | -                           | 11.993.508.096               |
| Khác                                                                              | 9.579.668.383               | 8.828.316.002                |
| <b>Dài hạn</b>                                                                    | <b>303.331.579.322</b>      | <b>442.300.973.579</b>       |
| Đặt cọc chuyển nhượng đất và tài sản gắn<br>liền với đất (iii)                    | 196.000.000.000             | 196.000.000.000              |
| Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh -<br>Công ty Cổ phần Unicorn Venture (iv) | 99.875.000.000              | 99.875.000.000               |
| Đặt cọc                                                                           | 6.856.906.800               | 6.782.906.800                |
| Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh -<br>Công ty Cổ phần Giải trí TKK         | -                           | 138.658.000.000              |
| Khác                                                                              | 599.672.522                 | 985.066.779                  |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                  | <b>401.100.482.447</b>      | <b>555.441.490.899</b>       |
| Dự phòng phải thu khác khó đòi<br>(Thuyết minh số 11)                             | (404.663.441)               | (26.677.385.044)             |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>                                                              | <b>400.695.819.006</b>      | <b>528.764.105.855</b>       |
| Trong đó:                                                                         |                             |                              |
| Các bên khác                                                                      | 400.904.349.170             | 554.846.947.173              |
| Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)                                             | 196.133.277                 | 594.543.726                  |

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi khác :

|                                   | VND                                                                 |                                                                     |
|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
|                                   | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2024 |
| Số đầu kỳ                         | 26.677.385.044                                                      | 36.645.581.283                                                      |
| Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ | -                                                                   | 5.493.770.399                                                       |
| Trừ: Xóa sổ dự phòng trong kỳ     | (20.670.158.904)                                                    | -                                                                   |
| Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ  | (231.054.615)                                                       | (131.000)                                                           |
| Trừ: Thoái vốn công ty con        | (5.371.508.084)                                                     | (6.560.467.267)                                                     |
| Số cuối kỳ                        | 404.663.441                                                         | 35.578.753.415                                                      |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**

- (i) Đây là khoản phải thu với Bồ Công Anh liên quan đến chi phí bồi thường liên quan đến việc tháo dỡ phim trường tọa lạc tại Số 41-49 đường An Phú, phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo biên bản làm việc ngày 30 tháng 6 năm 2025.
- (ii) Theo biên bản đối trừ công nợ ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa Nhóm Công ty, Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cab Việt Nam ("VTVcab") và STV, VTVcab thực hiện bù trừ nghĩa vụ góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với số tiền là 26.163.157.895 VND với số dư công nợ của STV. Theo đó, Nhóm Công ty đã ghi nhận một khoản phải thu từ STV. Khoản phải thu này, khoản phải thu khách hàng và khoản phải thu về cho vay được trình bày lần lượt ở *Thuyết minh số 7 và 9* được đảm bảo bằng cổ phần của một công ty niêm yết thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh Số 921/2408/TTBL/YEG-HVUC-ĐĐT ngày 22 tháng 8 năm 2024. Vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, khoản phải thu này đã được các bên bảo lãnh thanh toán.
- (iii) Đây là khoản đặt cọc trong vòng 5 năm để đảm bảo thực hiện việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và công trình xây dựng có công năng phục vụ mục đích văn phòng tại địa chỉ số 140, đường Nguyễn Văn Thủ, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Hợp đồng Số 1456/2024/HĐĐC/YEG-SG3 ngày 29 tháng 12 năm 2024 theo Giấy Chứng nhận Quyền Sử dụng đất Số CI426639.
- (iv) Đây là khoản đặt cọc mua theo Hợp đồng Hợp tác số 146/2303/HĐHT/YEG/UNI ngày 20 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty hợp tác đầu tư cùng Công ty Cổ phần Unicorn Venture ("Unicorn Venture") để đầu tư mạo hiểm các dự án start-up. Theo đó, Nhóm Công ty sẽ được phân chia lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ 70%. Trong trường hợp phần lợi nhuận chia sẻ cho Nhóm Công ty sau khi đối soát nhỏ hơn 10% tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân cho Unicorn Venture tính tới thời điểm đối soát, lợi nhuận được chia sẻ cho Nhóm Công ty sẽ được điều chỉnh thành 10% trên tổng số tiền mà Nhóm Công ty đã giải ngân. Theo phụ lục hợp đồng số 01 Hợp đồng Hợp tác số 146/2303/HĐHT/YEG/UNI ngày 6 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty và Unicorn Venture đã thống nhất điều chỉnh giảm số tiền đầu tư dự án xuống còn 99.875.000.000 VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

|                                               | Ngày 30 tháng 6 năm 2025 |                        |                         | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 |                        |                         | VND |
|-----------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-------------------------|---------------------------|------------------------|-------------------------|-----|
|                                               | Giá trị                  | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng                | Giá trị                   | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng                |     |
| <b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>       | <b>25.046.136.660</b>    | <b>8.375.730.355</b>   | <b>(16.670.406.305)</b> | <b>36.904.901.947</b>     | <b>9.921.280.223</b>   | <b>(26.983.621.724)</b> |     |
| Yeah1 Network Pte Ltd                         | 5.080.920.081            | 582.905.201            | (4.498.014.880)         | 5.080.920.081             | 582.905.201            | (4.498.014.880)         |     |
| Chuongsuki Pte Ltd                            | 2.799.195.287            | -                      | (2.799.195.287)         | 2.799.195.287             | -                      | (2.799.195.287)         |     |
| Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending       | 2.490.070.000            | 1.245.035.000          | (1.245.035.000)         | 2.490.070.000             | 1.245.035.000          | (1.245.035.000)         |     |
| Công ty TNHH Lioz Việt Nam                    | 1.112.886.123            | -                      | (1.112.886.123)         | 1.112.886.123             | -                      | (1.112.886.123)         |     |
| Công ty Cổ phần Giải trí 100 Độ               | 213.501.288              | -                      | (213.501.288)           | 213.501.288               | -                      | (213.501.288)           |     |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Canada Ginseng         | -                        | -                      | -                       | 13.939.220.078            | 4.181.766.023          | (9.757.454.055)         |     |
| Khác                                          | 13.349.563.881           | 6.547.790.154          | (6.801.773.727)         | 11.269.109.090            | 3.911.573.999          | (7.357.535.091)         |     |
| <b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>       | <b>72.803.267</b>        | <b>50.962.287</b>      | <b>(21.840.980)</b>     | <b>58.217.339.948</b>     | <b>41.163.016.379</b>  | <b>(17.054.323.569)</b> |     |
| Công ty TNHH Phân phối Nước Giải khát Quốc tế | -                        | -                      | -                       | 48.126.704.193            | 40.625.760.223         | (7.500.943.970)         |     |
| Something Big SAS                             | -                        | -                      | -                       | 8.160.450.000             | -                      | (8.160.450.000)         |     |
| Khác                                          | 72.803.267               | 50.962.287             | (21.840.980)            | 1.930.185.755             | 537.256.156            | (1.392.929.599)         |     |
| <b>Phải thu cho vay ngắn hạn</b>              | -                        | -                      | -                       | <b>300.000.000</b>        | -                      | <b>(300.000.000)</b>    |     |
| Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Wín | -                        | -                      | -                       | 300.000.000               | -                      | (300.000.000)           |     |
| <b>Phải thu ngắn hạn khác</b>                 | <b>1.251.456.645</b>     | <b>846.793.204</b>     | <b>(404.663.441)</b>    | <b>33.496.231.104</b>     | <b>6.818.846.060</b>   | <b>(26.677.385.044)</b> |     |
| Tân An Đông                                   | -                        | -                      | -                       | 19.600.000.000            | -                      | (19.600.000.000)        |     |
| Netlink Online Corporation                    | -                        | -                      | -                       | 7.065.680.000             | 2.119.704.000          | (4.945.976.000)         |     |
| Công ty Cổ phần Phát Triển UP                 | -                        | -                      | -                       | 1.000.000.000             | -                      | (1.000.000.000)         |     |
| Khác                                          | 1.251.456.645            | 846.793.204            | (404.663.441)           | 5.830.551.104             | 4.699.142.060          | (1.131.409.044)         |     |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                              | <b>26.370.396.572</b>    | <b>9.273.485.846</b>   | <b>(17.096.910.726)</b> | <b>128.918.472.999</b>    | <b>57.903.142.662</b>  | <b>(71.015.330.337)</b> |     |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. HÀNG TỒN KHO**

|                                                            | VND                         |                              |
|------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                                            | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2024 |
| Chi phí sản xuất các chương trình đang<br>sản xuất dở dang | 59.694.415.398              | 25.583.778.714               |
| Chi phí các dự án quảng cáo đang sản xuất<br>dở dang       | 30.505.404.092              | 12.335.199.650               |
| Hàng hóa                                                   | 3.172.116.837               | 738.835.241                  |
| Khác                                                       | 41.752.500                  | 2.147.038.809                |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                           | <b>93.413.688.827</b>       | <b>40.804.852.414</b>        |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                             | -                           | -                            |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>                                       | <b>93.413.688.827</b>       | <b>40.804.852.414</b>        |

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

|                                   | VND                                                                 |                                                                     |
|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
|                                   | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2024 |
| Số đầu kỳ                         | -                                                                   | 34.555.718.986                                                      |
| Cộng: Trích lập dự phòng trong kỳ | -                                                                   | -                                                                   |
| Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ  | -                                                                   | (34.555.718.986)                                                    |
| Số cuối kỳ                        | -                                                                   | -                                                                   |

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

|                             | VND                         |                              |
|-----------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                             | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2024 |
| <b>Ngắn hạn</b>             | <b>6.267.427.667</b>        | <b>15.054.268.237</b>        |
| Chương trình đang phát sóng | 4.958.043.826               | 13.271.453.633               |
| Khác                        | 1.309.383.841               | 1.782.814.604                |
| <b>Dài hạn</b>              | <b>32.675.697.273</b>       | <b>42.009.118.834</b>        |
| Chi phí cải tạo văn phòng   | 16.866.337.874              | 17.815.326.090               |
| Chương trình đang phát sóng | 9.739.392.231               | 16.907.047.872               |
| Công cụ, dụng cụ            | 1.431.911.106               | 1.879.210.538                |
| Khác                        | 4.638.056.062               | 5.407.534.334                |
| <b>TỔNG CỘNG</b>            | <b>38.943.124.940</b>       | <b>57.063.387.071</b>        |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

|                                 | Nhà cửa và<br>vật kiến trúc | Máy móc<br>và thiết bị | Phương tiện<br>vận tải | Thiết bị<br>văn phòng | VND<br>Tổng cộng |
|---------------------------------|-----------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|------------------|
| <b>Nguyên giá:</b>              |                             |                        |                        |                       |                  |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024   | 3.821.563.973               | 8.640.145.987          | 280.254.546            | 3.355.880.169         | 16.097.844.675   |
| Mua mới                         | -                           | 61.056.000             | -                      | -                     | 61.056.000       |
| Phân loại lại                   | -                           | 137.127.273            | (98.436.364)           | (38.690.909)          | -                |
| Giảm do thoái vốn công ty con   | -                           | (381.390.909)          | -                      | -                     | (381.390.909)    |
| Giảm khác                       | (3.821.563.973)             | -                      | -                      | -                     | (3.821.563.973)  |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025    | -                           | 8.456.938.351          | 181.818.182            | 3.317.189.260         | 11.955.945.793   |
| <b>Trong đó:</b>                |                             |                        |                        |                       |                  |
| Đã khấu hao hết                 | -                           | 313.531.819            | 181.818.182            | 930.646.465           | 1.425.996.466    |
| <b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b> |                             |                        |                        |                       |                  |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024   | -                           | (4.449.703.621)        | (181.818.182)          | (1.165.665.933)       | (5.797.187.736)  |
| Khấu hao trong kỳ               | -                           | (592.624.001)          | -                      | (341.801.574)         | (934.425.575)    |
| Giảm do thoái vốn công ty con   | -                           | 397.239.661            | -                      | -                     | 397.239.661      |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025    | -                           | (4.645.087.961)        | (181.818.182)          | (1.507.467.507)       | (6.334.373.650)  |
| <b>Giá trị còn lại:</b>         |                             |                        |                        |                       |                  |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024   | 3.821.563.973               | 4.190.442.366          | 98.436.364             | 2.190.214.236         | 10.300.656.939   |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025    | -                           | 3.811.850.390          | -                      | 1.809.721.753         | 5.621.572.143    |

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

|                                   | Chương trình<br>phim ngắn (*) | Phần mềm<br>máy tính | Nhãn hiệu,<br>tên thương mại | VND<br>Tổng cộng |
|-----------------------------------|-------------------------------|----------------------|------------------------------|------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                 |                               |                      |                              |                  |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024     | 216.738.537.887               | 23.271.709.167       | 3.405.964.630                | 243.416.211.684  |
| Mua mới                           | 25.944.693.176                | 50.240.000           | 269.473.684                  | 26.264.406.860   |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 5.523.422.222                 | -                    | -                            | 5.523.422.222    |
| Tặng do hợp nhất công ty con      | -                             | 41.867.000           | -                            | 41.867.000       |
| Giảm do thoái vốn công ty con     | -                             | (2.115.375.000)      | (661.582.476)                | (2.776.957.476)  |
| Giảm khác                         | -                             | (110.000.000)        | -                            | (110.000.000)    |
| Phân loại lại                     | -                             | 220.000.000          | (220.000.000)                | -                |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025      | 248.206.653.285               | 21.358.441.167       | 2.793.855.838                | 272.358.950.290  |
| <b>Trong đó:</b>                  |                               |                      |                              |                  |
| Đã khấu hao hết                   | -                             | 76.867.000           | 391.156.033                  | 468.023.033      |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>     |                               |                      |                              |                  |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024     | (37.042.825.769)              | (6.698.068.506)      | (1.431.132.403)              | (45.172.026.678) |
| Hao mòn trong kỳ                  | (21.526.333.947)              | (1.537.039.865)      | (28.288.434)                 | (23.091.662.246) |
| Tặng do hợp nhất công ty con      | -                             | (6.977.832)          | -                            | (6.977.832)      |
| Giảm do thoái vốn công ty con     | -                             | 1.708.879.125        | 603.667.375                  | 2.312.546.500    |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025      | (58.569.159.716)              | (6.533.207.078)      | (855.753.462)                | (65.958.120.256) |
| <b>Giá trị còn lại</b>            |                               |                      |                              |                  |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024     | 179.695.712.118               | 16.573.640.661       | 1.974.832.227                | 198.244.185.006  |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025      | 189.637.493.569               | 14.825.234.089       | 1.938.102.376                | 206.400.830.034  |

(\*) Đây là chi phí liên quan đến các chương trình phim ngắn độc quyền mà Nhóm Công ty nhận chuyển nhượng từ các đối tác. Vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình đăng ký quyền sở hữu các chương trình này với Cục Bản quyền Tác giả thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

|                                                    | VND                         |                              |
|----------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                                    | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2024 |
| Dự án xây dựng phim trường                         | 31.481.481.482              | 48.093.872.054               |
| Dự án triển khai phần mềm Onstudio                 | 42.605.000.000              | -                            |
| Dự án triển khai phần mềm YEG DX                   | 13.944.000.000              | -                            |
| Chương trình phim ngắn đang sản xuất               | 238.222.222                 | 5.523.422.222                |
| Dự án triển khai phần mềm<br>quản lý phân phối DMS | -                           | 9.545.454.545                |
| Khác                                               | 97.777.778                  | -                            |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                   | <b>88.366.481.482</b>       | <b>63.162.748.821</b>        |

**17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

|                                                              | VND              |                  |                  |
|--------------------------------------------------------------|------------------|------------------|------------------|
|                                                              | Netlink          | Edigital         | Tổng cộng        |
| <b>Nguyên giá:</b>                                           |                  |                  |                  |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024<br>và ngày 30 tháng 6 năm 2025 | 147.081.706.909  | 173.021.917.536  | 320.103.624.445  |
| <b>Giá trị phân bổ lũy kế:</b>                               |                  |                  |                  |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024                                | (11.031.128.018) | (7.209.246.565)  | (18.240.374.583) |
| Phân bổ trong kỳ                                             | (7.354.085.345)  | (8.651.095.877)  | (16.005.181.222) |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025                                 | (18.385.213.363) | (15.860.342.442) | (34.245.555.805) |
| <b>Giá trị còn lại:</b>                                      |                  |                  |                  |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024                                | 136.050.578.891  | 165.812.670.971  | 301.863.249.862  |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025                                 | 128.696.493.546  | 157.161.575.094  | 285.858.068.640  |

**18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

|                                                            | VND                         |                              |
|------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                                            | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2024 |
| Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh 18.1)             | 2.336.442.525               | 103.807.419.542              |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh 18.2)          | 19.715.625.000              | 19.715.625.000               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                           | <b>22.052.067.525</b>       | <b>123.523.044.542</b>       |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn<br>(Thuyết minh số 18.2) | (12.507.774.045)            | (12.344.620.775)             |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>                                       | <b>9.544.293.480</b>        | <b>111.178.423.767</b>       |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 1 công ty liên kết trực tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1 công ty liên kết trực tiếp):

| Tên công ty                                                                                                                                                | Lĩnh vực kinh doanh                                            | Ngày 30 tháng 6 năm 2025 |                      | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 |                      |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------|---------------------------|----------------------|
|                                                                                                                                                            |                                                                | Tỷ lệ sở hữu (%)         | Quyền biểu quyết (%) | Tỷ lệ sở hữu (%)          | Quyền biểu quyết (%) |
| Meta Blossom                                                                                                                                               | Quảng cáo                                                      | 40,00                    | 40,00                | 40,00                     | 40,00                |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có các công ty con sở hữu 0 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2024: các công ty con sở hữu 4 công ty liên kết): |                                                                |                          |                      |                           |                      |
| Tên công ty                                                                                                                                                | Lĩnh vực kinh doanh                                            | Ngày 30 tháng 6 năm 2025 |                      | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 |                      |
|                                                                                                                                                            |                                                                | Tỷ lệ sở hữu (%)         | Quyền biểu quyết (%) | Tỷ lệ sở hữu (%)          | Quyền biểu quyết (%) |
| Công ty Cổ phần 1Social ("1Social")                                                                                                                        | Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình | -                        | -                    | 40,00                     | 40,00                |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1 ("Media 1")                                                                                                    | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                      | -                        | -                    | 49,99                     | 50,00                |
| Công ty Cổ phần Eco Consumer                                                                                                                               | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                      | -                        | -                    | 49,99                     | 50,00                |
| Công ty Cổ phần Zmedia ("Zmedia")                                                                                                                          | Dịch vụ quảng cáo                                              | -                        | -                    | 24,99                     | 25,00                |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

|                                    | Media1           | Zmedia           | 1 Social      | Meta Blossom  | Tổng cộng         |
|------------------------------------|------------------|------------------|---------------|---------------|-------------------|
| VND                                |                  |                  |               |               |                   |
| Giá trị đầu tư:                    |                  |                  |               |               |                   |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2024          | 92.376.900.000   | 12.500.000.000   | 490.000.000   | 2.000.000.000 | 107.366.900.000   |
| Giảm do thoái vốn công ty con      | (92.376.900.000) | (12.500.000.000) | -             | -             | (104.876.900.000) |
| Giảm do thoái vốn công ty liên kết | -                | -                | (490.000.000) | -             | (490.000.000)     |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2025           | -                | -                | -             | 2.000.000.000 | 2.000.000.000     |
| Phản lũy kế lỗ từ công ty liên kết |                  |                  |               |               |                   |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2024          | (4.457.564.385)  | 898.083.927      | -             | -             | (3.559.480.458)   |
| Giảm do thoái vốn công ty con      | 4.906.847.038    | (898.083.927)    | -             | -             | 4.008.763.111     |
| Lỗ trong công ty liên kết          | (449.282.653)    | -                | -             | 336.442.525   | (112.840.128)     |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2025           | -                | -                | -             | 336.442.525   | 336.442.525       |
| Giá trị còn lại:                   |                  |                  |               |               |                   |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2024          | 87.919.335.615   | 13.398.083.927   | 490.000.000   | 2.000.000.000 | 103.807.419.542   |
| Ngày 30 tháng 6 năm 2025           | -                | -                | -             | 2.336.442.525 | 2.336.442.525     |

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

| Tên công ty                                                       | Lĩnh vực kinh doanh                                               | Ngày 30 tháng 6 năm 2025 |                   |                                             | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 |                   |                                             |
|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------|---------------------------------------------|---------------------------|-------------------|---------------------------------------------|
|                                                                   |                                                                   | Giá trị đầu tư<br>(VND)  | Dự phòng<br>(VND) | Tỷ lệ sở hữu<br>và quyền<br>biểu quyết<br>% | Giá trị đầu tư<br>(VND)   | Dự phòng<br>(VND) | Tỷ lệ sở hữu<br>và quyền<br>biểu quyết<br>% |
| Công ty Cổ phần 1Game<br>("1Game")                                | Trò chơi điện tử và<br>dịch vụ giải trí                           | 8.100.000.000            | (892.149.045)     | 18,00                                       | 8.100.000.000             | (728.995.775)     | 18,00                                       |
| Công ty Cổ phần Công<br>nghệ và Truyền thông<br>ADSBNC ("ADSBNC") | Quản trị website, dịch<br>vụ công nghệ thông<br>tin, quảng cáo    | 6.000.000.000            | (6.000.000.000)   | 4,40                                        | 6.000.000.000             | (6.000.000.000)   | 4,40                                        |
| Công ty Cổ phần<br>Spaceship ("Spaceship")                        | Lập trình máy vi tính                                             | 2.000.000.000            | (2.000.000.000)   | 11,62                                       | 2.000.000.000             | (2.000.000.000)   | 11,62                                       |
| Công ty Cổ phần Gamify<br>("Gamify")                              | Cung cấp dịch vụ trò<br>chơi điện tử                              | 1.858.000.000            | (1.858.000.000)   | 15,00                                       | 1.858.000.000             | (1.858.000.000)   | 15,00                                       |
| Công ty Cổ phần<br>Shopiness ("Shopiness")                        | Cổng thông tin, xử lý<br>dữ liệu và các hoạt<br>động có liên quan | 1.757.625.000            | (1.757.625.000)   | 10,00                                       | 1.757.625.000             | (1.757.625.000)   | 10,00                                       |
| TỔNG CỘNG                                                         |                                                                   | 19.715.625.000           | (12.507.774.045)  |                                             | 19.715.625.000            | (12.344.620.775)  |                                             |

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

**19.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

|                                        | VND                         |                              |
|----------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                        | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2024 |
| Các bên khác                           | 114.291.779.852             | 133.366.770.881              |
| NMP Network Corporation                | 11.579.359.953              | 21.941.155.160               |
| Công ty TNHH Angel Media               | 9.465.113.670               | -                            |
| Công ty TNHH Công nghệ Hồng Kong Bepic | 8.874.599.007               | -                            |
| STVPro                                 | 6.581.300.806               | 18.477.650.451               |
| Khác                                   | 77.791.406.416              | 92.947.965.270               |
| Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)  | -                           | 4.223.988.009                |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                       | <b>114.291.779.852</b>      | <b>137.590.758.890</b>       |

**19.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|                                   | VND                         |                              |
|-----------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                   | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2024 |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam | 24.852.744.000              | 5.021.658.180                |
| Công ty Cổ phần Foody             | 5.608.500.000               | -                            |
| Khác                              | 23.308.790.110              | 8.938.144.996                |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                  | <b>53.770.034.110</b>       | <b>13.959.803.176</b>        |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

|                            | Ngày 31 tháng<br>12 năm 2024 | Tăng trong kỳ          | Giảm trong kỳ            | Tăng do mua<br>công ty con | Giảm do thoái vốn<br>công ty con | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 |
|----------------------------|------------------------------|------------------------|--------------------------|----------------------------|----------------------------------|-----------------------------|
|                            |                              |                        |                          |                            |                                  | VND                         |
| <b>Phải nộp</b>            |                              |                        |                          |                            |                                  |                             |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 4.569.797.981                | 19.809.069.227         | (16.941.246.660)         | -                          | (1.517.923)                      | 7.436.102.625               |
| Thuế giá trị gia tăng      | 5.927.890.365                | 82.762.390.269         | (81.715.614.201)         | 207.529.237                | -                                | 7.182.195.670               |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 22.614.877.605               | 2.728.617.644          | (7.920.295.792)          | -                          | (12.248.217.310)                 | 5.174.982.147               |
| Thuế nhà thầu nước ngoài   | 2.977.806.868                | 1.802.023.775          | (3.050.755.578)          | -                          | -                                | 1.729.075.065               |
| Khác                       | 4.667.561.285                | 859.621.743            | (207.997.150)            | -                          | (5.310.428.810)                  | 8.757.068                   |
| <b>TỔNG CỘNG</b>           | <b>40.757.934.104</b>        | <b>107.961.722.658</b> | <b>(109.835.909.381)</b> | <b>207.529.237</b>         | <b>(17.560.164.043)</b>          | <b>21.531.112.575</b>       |
| <b>Phải thu</b>            |                              |                        |                          |                            |                                  |                             |
| Thuế giá trị gia tăng      | 10.019.963.592               | 67.475.225.846         | (66.595.389.827)         | 168.783.161                | (6.515.318.197)                  | 4.553.264.575               |
| Khác                       | 31.279.290                   | 90.027.466             | (31.279.290)             | -                          | -                                | 90.027.466                  |
| <b>TỔNG CỘNG</b>           | <b>10.051.242.882</b>        | <b>67.565.253.312</b>  | <b>(66.626.669.117)</b>  | <b>168.783.161</b>         | <b>(6.515.318.197)</b>           | <b>4.643.292.041</b>        |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

|                                                         | VND                         |                              |
|---------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                                         | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2024 |
| Chi phí sản xuất chương trình<br>và hoạt động quảng cáo | 63.576.516.687              | 56.995.241.817               |
| Chi phí lãi vay                                         | 2.297.124.757               | 7.094.631.738                |
| Lương tháng 13                                          | 121.341.727                 | 2.649.221.200                |
| Khác                                                    | 8.658.727.602               | 11.437.114.813               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                        | <b>74.653.710.773</b>       | <b>78.176.209.568</b>        |
| <i>Trong đó:</i>                                        |                             |                              |
| <i>Các bên khác</i>                                     | 74.627.532.691              | 77.709.459.768               |
| <i>Bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>                | 26.178.082                  | 466.749.800                  |

**22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

|                                                                    | VND                         |                              |
|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                                                    | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2024 |
| Phải trả tiền nhận góp vốn theo<br>hợp đồng hợp tác kinh doanh (*) | 31.500.000.000              | 31.500.000.000               |
| Chi phí lãi vay                                                    | 2.008.954.006               | 10.368.182.655               |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và<br>bảo hiểm thất nghiệp          | 1.995.749.484               | 2.277.757.022                |
| Phải trả nhận chuyển nhượng cổ phần                                | 370.000.000                 | 90.170.020.000               |
| Khác                                                               | 17.667.444.307              | 13.585.303.663               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                   | <b>53.542.147.797</b>       | <b>147.901.263.340</b>       |
| <i>Trong đó:</i>                                                   |                             |                              |
| <i>Các bên khác</i>                                                | 53.053.279.303              | 147.869.669.915              |
| <i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>                       | 488.868.494                 | 31.593.425                   |

(\*) Đây là khoản vốn góp nhận từ VTVCab liên quan đến Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1606/2023/HĐHTKD/VTVCab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng số 1 quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chị đẹp đạp gió rẽ sóng mùa 1" (Thuyết minh số 10).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY

|                                                           | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2024 | Vay trong kỳ           | Trả nợ vay<br>trong kỳ   | Phân loại lại          | Giảm do thoái vốn<br>công ty con | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 |
|-----------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|----------------------------------|-----------------------------|
|                                                           |                              |                        |                          |                        |                                  | VND                         |
| <b>Ngắn hạn</b>                                           | <b>527.364.096.445</b>       | <b>151.993.549.102</b> | <b>(480.783.067.039)</b> | <b>3.135.282.322</b>   | <b>(32.550.909.091)</b>          | <b>169.158.951.739</b>      |
| Vay ngân hàng<br>(Thuyết minh số 23.1)                    | 214.500.561.356              | 146.293.549.102        | (216.501.501.771)        | (1.500.000.000)        | -                                | 142.792.608.687             |
| Vay ngắn hạn dài hạn đến<br>hạn trả (Thuyết minh số 23.2) | 13.673.475.998               | -                      | (4.137.415.268)          | 4.635.282.322          | -                                | 14.171.343.052              |
| Vay các tổ chức khác<br>(Thuyết minh số 23.3)             | 54.835.000.000               | 3.700.000.000          | (16.925.000.000)         | 490.000.000            | (30.905.000.000)                 | 11.195.000.000              |
| Vay các bên liên quan<br>(Thuyết minh số 23.4 và 34)      | 5.040.000.000                | 1.000.000.000          | (4.550.000.000)          | (490.000.000)          | -                                | 1.000.000.000               |
| Vay cá nhân                                               | 239.315.059.091              | 1.000.000.000          | (238.669.150.000)        | -                      | (1.645.909.091)                  | -                           |
| <b>Dài hạn</b>                                            | <b>50.006.060.793</b>        | <b>-</b>               | <b>(3.476.271.186)</b>   | <b>(3.135.282.322)</b> | <b>-</b>                         | <b>43.394.507.285</b>       |
| Vay ngân hàng<br>(Thuyết minh số 23.2)                    | 44.513.789.607               | -                      | -                        | (3.135.282.322)        | -                                | 41.378.507.285              |
| Vay cá nhân<br>(Thuyết minh số 23.5)                      | 2.016.000.000                | -                      | -                        | -                      | -                                | 2.016.000.000               |
| Vay các tổ chức khác                                      | 3.476.271.186                | -                      | (3.476.271.186)          | -                      | -                                | -                           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                          | <b>577.370.157.238</b>       | <b>151.993.549.102</b> | <b>(484.259.338.225)</b> | <b>-</b>               | <b>(32.550.909.091)</b>          | <b>212.553.459.024</b>      |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Nhóm Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm tài trợ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

| Ngân hàng                                                                                              | Ngày 30 tháng 6 năm 2025<br>(VND) | Kỳ hạn trả gốc                                               | Lãi suất<br>(%/năm) | Hình thức đảm bảo                                                               |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định</b>                          |                                   |                                                              |                     |                                                                                 |
| Khoản vay 1                                                                                            | 70.977.456.603                    | Từ ngày 31 tháng 7 năm 2025<br>đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 7,20 – 8,20         | Quyền sử dụng đất và tài sản<br>gắn liền với đất thuộc sở hữu<br>của bên thứ ba |
| Khoản vay 2                                                                                            | 29.749.625.415                    | Từ ngày 8 tháng 7 năm 2025<br>đến ngày 26 tháng 12 năm 2025  | 8,20 – 9,50         | Quyền sử dụng đất và tài sản<br>gắn liền với đất thuộc sở hữu<br>của bên thứ ba |
| Khoản vay 3                                                                                            | 24.822.202.696                    | Từ ngày 11 tháng 7 năm 2025<br>đến ngày 31 tháng 3 năm 2026  | 8,20                | Quyền sử dụng đất và tài sản<br>gắn liền với đất thuộc sở hữu<br>của bên thứ ba |
| Khoản vay 4                                                                                            | 14.445.660.852                    | Từ ngày 25 tháng 7 năm 2025<br>đến ngày 25 tháng 6 năm 2026  | 7,20 – 8,20         | Tin chấp                                                                        |
| <b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh</b> |                                   |                                                              |                     |                                                                                 |
| Khoản vay 1                                                                                            | 2.797.663.121                     | Từ ngày 24 tháng 7 năm 2025<br>đến ngày 24 tháng 6 năm 2026  | 9,00 – 9,50         | Tin chấp                                                                        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                                       | <b>142.792.608.687</b>            |                                                              |                     |                                                                                 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.2 Vay ngân hàng dài hạn

Nhóm Công ty có khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm thanh toán các khoản đầu tư mua tài sản cố định vô hình là bản quyền các tác phẩm phục vụ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

| Ngân hàng                                                                     | Ngày 30 tháng 6 năm 2025<br>(VND) | Kỳ hạn trả nợ gốc                                         | Lãi suất<br>(%/năm)                                                                                                               | Hình thức đảm bảo                                                         |
|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| <b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định</b> |                                   |                                                           |                                                                                                                                   |                                                                           |
| Khoản vay 1                                                                   | 32.500.000.000                    | Từ ngày 25 tháng 7 năm 2025 đến ngày 15 tháng 8 năm 2028  | Lãi suất thả nổi theo thông báo điều chỉnh lãi suất của ngân hàng                                                                 | Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba |
| Khoản vay 2                                                                   | 15.750.000.000                    | Từ ngày 30 tháng 9 năm 2025 đến ngày 5 tháng 7 năm 2027   | - 8%/năm tính đến ngày 5 tháng 7 năm 2025<br>- Sau ngày 5 tháng 7 năm 2025 là lãi suất thả nổi theo lãi suất cơ bản cộng 3.5%/năm | Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba |
| Khoản vay 3                                                                   | 7.299.850.337                     | Từ ngày 25 tháng 7 năm 2025 đến ngày 23 tháng 12 năm 2027 | Lãi suất thả nổi theo thông báo điều chỉnh lãi suất của ngân hàng                                                                 | Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba |

TỔNG CỘNG

55.549.850.337

Trong đó  
Vay dài hạn  
Vay dài hạn đến hạn trả

41.378.507.285

14.171.343.052

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. VAY (tiếp theo)**

**23.3 Vay ngắn hạn các tổ chức khác**

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

| <i>Bên cho vay</i>                          | <i>Ngày 30 tháng 6<br/>năm 2025<br/>(VND)</i> | <i>Kỳ hạn trả nợ gốc</i>                                    | <i>Lãi suất<br/>(%/năm)</i> |
|---------------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Vital Investments Group (*) | 10.530.000.000                                | Thỏa thuận                                                  | 8,0                         |
| 1Social                                     | 490.000.000                                   | Ngày 21 tháng 7 năm 2025                                    | 8,0                         |
| Giga1                                       | 135.000.000                                   | Từ ngày 1 tháng 7 năm 2025<br>đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 10,5                        |
| Công ty Cổ phần Ban Media                   | 40.000.000                                    | Ngày 31 tháng 10 năm 2025                                   | 10,5                        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                            | <b><u>11.195.000.000</u></b>                  |                                                             |                             |

**23.4 Vay bên liên quan ngắn hạn (Thuyết minh số 34)**

Đây là khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

| <i>Bên cho vay</i> | <i>Ngày 30 tháng 6<br/>năm 2025<br/>(VND)</i> | <i>Kỳ hạn trả nợ gốc</i> | <i>Lãi suất<br/>(%/năm)</i> |
|--------------------|-----------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------|
| Meta Blossom       | <u>1.000.000.000</u>                          | Ngày 31 tháng 1 năm 2026 | 10,5                        |

**23.5 Vay cá nhân dài hạn**

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

| <i>Bên cho vay</i>   | <i>Ngày 30 tháng 6<br/>năm 2025<br/>(VND)</i> | <i>Kỳ hạn trả nợ gốc</i> | <i>Lãi suất<br/>(%/năm)</i> |
|----------------------|-----------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------|
| Nguyễn Thị Khánh Hòa | <u>2.016.000.000</u>                          | Ngày 26 tháng 3 năm 2028 | 8,0                         |

(\*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, khoản vay này đã quá hạn thanh toán.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

|                                                             | Vốn cổ phần       | Thặng dư vốn<br>cổ phần | Lợi nhuận<br>sau thuế chưa<br>phân phối | Chênh lệch tỷ giá<br>hối đoái | Tổng cộng         |
|-------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------|-------------------|
|                                                             |                   |                         |                                         |                               | VND               |
| Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024: |                   |                         |                                         |                               |                   |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023                               | 1.313.532.640.000 | 140.518.254             | 57.414.341.843                          | -                             | 1.371.087.500.097 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ                                    | -                 | -                       | 29.135.069.765                          | -                             | 29.135.069.765    |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024                                | 1.313.532.640.000 | 140.518.254             | 86.549.411.608                          | -                             | 1.400.222.569.862 |
| Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: |                   |                         |                                         |                               |                   |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024                               | 1.370.014.540.000 | 140.518.254             | 72.654.634.776                          | -                             | 1.442.809.693.030 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ                                    | -                 | -                       | 56.040.359.351                          | -                             | 56.040.359.351    |
| Phát hành cổ phiếu cho cổ đông<br>hiện hữu (*)              | 548.005.810.000   | (65.100.000)            | -                                       | -                             | 547.940.710.000   |
| Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con                     | -                 | -                       | (536.518.877)                           | -                             | (536.518.877)     |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                  | -                 | -                       | -                                       | 77.790.509                    | 77.790.509        |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025                                | 1.918.020.350.000 | 75.418.254              | 128.158.475.250                         | 77.790.509                    | 2.046.332.034.013 |

(\*) Vào ngày 12 tháng 3 năm 2025 theo công văn số 199/UBCK-QLCB, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả phát hành phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, phê duyệt bởi Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 616/2405/NQ/ĐHĐCĐ/YEG ngày 6 tháng 5 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 56/2503/NQ/HDQT/YEG ngày 11 tháng 3 năm 2025. Vào ngày 21 tháng 3 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKN điều chỉnh lần thứ 32 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 1.370.014.540.000 VND lên 1.918.020.350.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**24.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

|                                         |                                                                     | VND                                                                 |
|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
|                                         | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2024 |
| <b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>         |                                                                     |                                                                     |
| Vào ngày 1 tháng 1                      | 1.370.014.540.000                                                   | 1.313.532.640.000                                                   |
| Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu | 548.005.810.000                                                     | -                                                                   |
| Vào ngày 30 tháng 6                     | <u>1.918.020.350.000</u>                                            | <u>1.313.532.640.000</u>                                            |

**24.3 Cổ phiếu**

|                               | Số lượng cổ phiếu           |                              |
|-------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                               | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2024 |
| <b>Cổ phiếu đăng ký</b>       | <b>191.802.035</b>          | <b>137.001.454</b>           |
| <b>Cổ phiếu đã phát hành</b>  | <b>191.802.035</b>          | <b>137.001.454</b>           |
| Cổ phiếu phổ thông            | 191.802.035                 | 137.001.454                  |
| <b>Cổ phiếu đang lưu hành</b> | <b>191.802.035</b>          | <b>137.001.454</b>           |
| Cổ phiếu phổ thông            | 191.802.035                 | 137.001.454                  |

Mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông của Nhóm Công ty được quyền hưởng cổ tức do Nhóm Công ty công bố. Mỗi cổ phần phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

|                                                                                                                         |                                                                     | VND                                                                 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                         | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2024 |
| Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông<br>sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)                                         | 56.040.359.351                                                      | 29.135.069.765                                                      |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông<br>đang lưu hành (cổ phiếu)                                               | 170.608.440                                                         | 131.353.264                                                         |
| Điều chỉnh cho số cổ phiếu cổ đông phát hành<br>không thu tiền (cổ phiếu)                                               | -                                                                   | 5.648.190                                                           |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông<br>đang lưu hành sử dụng để tính lãi cơ bản và lãi<br>suy giảm (cổ phiếu) | <u>170.608.440</u>                                                  | <u>137.001.454</u>                                                  |
| Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)                                                                               | 328                                                                 | 213                                                                 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

|                                                                | VND                                                                 |                                                                     |
|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
|                                                                | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2024 |
| Số đầu kỳ                                                      | 57.068.805.839                                                      | 12.211.638.962                                                      |
| Lợi nhuận (lỗ) trong kỳ phân bổ cho cổ đông<br>không kiểm soát | 3.247.051.615                                                       | (7.680.618.504)                                                     |
| Cổ đông không kiểm soát góp vốn                                | 104.686.684                                                         | -                                                                   |
| Tăng do hợp nhất ( <i>Thuyết minh số 4.5</i> )                 | 149.922.323                                                         | 4.229.711.581                                                       |
| Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong các công ty con                    | (3.727.196.626)                                                     | -                                                                   |
| Chia cổ tức                                                    | (1.242.640.000)                                                     | -                                                                   |
| Giảm do thoái vốn công ty con                                  | (4.423.759)                                                         | (7.920.739.495)                                                     |
| Số cuối kỳ                                                     | <u>55.596.206.076</u>                                               | <u>839.992.544</u>                                                  |

**27. DOANH THU**

**27.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                                                                | VND                                                                 |                                                                     |
|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
|                                                                | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2024 |
| Doanh thu tổ chức sự kiện, quảng cáo và tư<br>vấn truyền thông | 567.290.233.376                                                     | 239.132.465.885                                                     |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ và thương mại<br>truyền thông       | 51.811.309.193                                                      | 17.981.419.489                                                      |
| Doanh thu cung cấp bản quyền nội dung số                       | 45.972.563.383                                                      | 26.254.690.996                                                      |
| Doanh thu về bán lẻ và bán hàng khác                           | 11.769.251.865                                                      | 667.888.600                                                         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                               | <b><u>676.843.357.817</u></b>                                       | <b><u>284.036.464.970</u></b>                                       |
| <i>Trong đó:</i>                                               |                                                                     |                                                                     |
| Các bên khác                                                   | 673.337.829.113                                                     | 238.552.671.039                                                     |
| Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 34</i> )                 | 3.505.528.704                                                       | 45.483.793.931                                                      |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. DOANH THU (tiếp theo)**

**27.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                                                                                                                                | VND                                                                 |                                                                     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2024 |
| Lãi do thanh lý khoản đầu tư vào công ty con<br>(Thuyết minh số 4.2)                                                                           | 56.170.667.073                                                      | 59.703.630.545                                                      |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay                                                                                                                     | 8.892.273.645                                                       | 13.891.569.146                                                      |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                                                                                                     | 1.595.530.768                                                       | 1.995.874.932                                                       |
| Lãi từ chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị<br>ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết<br>ghi nhận tại thời điểm hợp nhất kinh doanh | -                                                                   | 1.400.556.648                                                       |
| Khác                                                                                                                                           | 143.377                                                             | -                                                                   |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                                                                               | <b>66.658.614.863</b>                                               | <b>76.991.631.271</b>                                               |
| Trong đó:                                                                                                                                      |                                                                     |                                                                     |
| Các bên khác                                                                                                                                   | 66.658.614.863                                                      | 75.462.983.690                                                      |
| Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)                                                                                                          | -                                                                   | 1.528.647.581                                                       |

**28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

|                                                              | VND                                                                 |                                                                     |
|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
|                                                              | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2024 |
| Giá vốn tổ chức sự kiện, quảng cáo và tư vấn<br>truyền thông | 495.965.325.204                                                     | 231.155.565.812                                                     |
| Giá vốn dịch vụ và thương mại truyền thông                   | 45.520.233.727                                                      | 12.460.316.018                                                      |
| Giá vốn cung cấp bản quyền nội dung số                       | 37.448.915.353                                                      | 5.959.502.255                                                       |
| Giá vốn về bán lẻ và bán hàng khác                           | 3.752.353.794                                                       | 2.957.453.621                                                       |
| Dự phòng (Hoàn nhập dự phòng)<br>giảm giá hàng tồn kho       | -                                                                   | (147.613.312)                                                       |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                             | <b>582.686.828.078</b>                                              | <b>252.385.224.394</b>                                              |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|                                       | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | VND<br>Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2024 |
|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| Chi phí lãi vay                       | 14.423.219.934                                                      | 8.306.578.721                                                              |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái         | 947.623.713                                                         | 2.444.065.891                                                              |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn     | 163.153.270                                                         | -                                                                          |
| Khác                                  | -                                                                   | 6.248.292                                                                  |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                      | <b>15.533.996.917</b>                                               | <b>10.756.892.904</b>                                                      |
| Trong đó                              |                                                                     |                                                                            |
| Các bên khác                          | 15.386.668.150                                                      | 9.948.724.923                                                              |
| Các bên liên quan (Thuyết minh số 34) | 147.328.767                                                         | 808.167.981                                                                |

**30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|                                      | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | VND<br>Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2024 |
|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| <b>Chi phí bán hàng</b>              | <b>15.491.697.806</b>                                               | <b>9.552.339.701</b>                                                       |
| Chi phí nhân viên                    | 10.999.071.167                                                      | 7.277.614.255                                                              |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài            | 3.967.213.093                                                       | 367.637.285                                                                |
| Chi phí khác                         | 525.413.546                                                         | 1.907.088.161                                                              |
| <b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>  | <b>64.117.295.146</b>                                               | <b>57.928.647.472</b>                                                      |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài            | 28.972.070.464                                                      | 11.970.821.415                                                             |
| Phân bổ lợi thế thương mại           | 16.005.181.222                                                      | 4.604.872.657                                                              |
| Chi phí nhân viên                    | 14.955.560.244                                                      | 20.963.461.599                                                             |
| Chi phí khấu hao và hao mòn          | 1.253.885.723                                                       | 1.814.405.984                                                              |
| Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi | 309.396.815                                                         | 10.949.567.238                                                             |
| Chi phí khác                         | 2.621.200.678                                                       | 7.625.518.579                                                              |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                     | <b>79.608.992.952</b>                                               | <b>67.480.987.173</b>                                                      |

**31. CHI PHÍ KHÁC**

|                  | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | VND<br>Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2024 |
|------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| Tiền phạt        | 3.395.345.513                                                       | 1.225.381.769                                                              |
| Khác             | 683.260.587                                                         | 968.274.579                                                                |
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b>4.078.606.100</b>                                                | <b>2.193.656.348</b>                                                       |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|                                                         | VND                                                                 |                                                                     |
|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
|                                                         | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2024 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                               | 619.063.847.667                                                     | 265.734.726.289                                                     |
| Chi phí nhân viên                                       | 61.998.490.836                                                      | 41.025.411.655                                                      |
| Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 14 và 15)              | 24.026.087.821                                                      | 12.714.818.512                                                      |
| Phân bổ lợi thế thương mại<br>(Thuyết minh số 17)       | 16.005.181.222                                                      | 4.604.872.657                                                       |
| Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi                  | 309.396.815                                                         | 10.949.567.238                                                      |
| Trích lập (hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng<br>tồn kho | -                                                                   | (147.613.312)                                                       |
| Khác                                                    | 6.289.751.804                                                       | 2.776.218.460                                                       |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                        | <b>727.692.756.165</b>                                              | <b>337.658.001.499</b>                                              |

**33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**33.1 Chi phí thuế TNDN**

|                                                          | VND                                                                 |                                                                     |
|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
|                                                          | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2024 |
| Chi phí thuế TNDN                                        | 5.149.740.797                                                       | 434.455.909                                                         |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những<br>năm trước | (2.421.123.153)                                                     | -                                                                   |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành                              | 2.728.617.644                                                       | 434.455.909                                                         |
| Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại                    | (480.747.953)                                                       | 3.624.665.475                                                       |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                         | <b>2.247.869.691</b>                                                | <b>4.059.121.384</b>                                                |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

#### 33.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

|                                                                                    | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | VND<br>Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2024 |
|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>                                           | <b>61.535.280.657</b>                                               | <b>25.513.572.645</b>                                                      |
| Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty            | 12.307.056.131                                                      | 5.102.714.529                                                              |
| <i>Các điều chỉnh:</i>                                                             |                                                                     |                                                                            |
| Lỗ thuế chưa ghi nhận thuế hoãn lại                                                | 25.082.521.486                                                      | 3.261.756.259                                                              |
| Phân bổ lợi thế thương mại                                                         | 3.201.036.244                                                       | 920.974.531                                                                |
| Chi phí không được trừ thuế                                                        | 2.626.766.232                                                       | 4.546.510.732                                                              |
| Điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại dự phòng đầu tư vào công ty con                   | 2.667.983.061                                                       | -                                                                          |
| Chi phí lãi vay không được khấu trừ                                                | 980.947.110                                                         | -                                                                          |
| Lãi từ thanh lý khoản đầu tư phát sinh do hợp nhất báo cáo tài chính               | (38.867.615.861)                                                    | (7.685.932.030)                                                            |
| Lỗ thuế từ năm trước chuyển sang                                                   | (3.346.023.412)                                                     | (2.354.811.789)                                                            |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước                              | (2.421.123.153)                                                     | -                                                                          |
| Lỗ trong công ty liên kết                                                          | 22.568.026                                                          | 548.020.482                                                                |
| Lãi từ giao dịch mua giá rẻ                                                        | (6.246.173)                                                         | -                                                                          |
| Lãi từ chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết | -                                                                   | (280.111.330)                                                              |
| <b>Chi phí thuế TNDN</b>                                                           | <b>2.247.869.691</b>                                                | <b>4.059.121.384</b>                                                       |

#### 33.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**33.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

|                                                                                                                      |                        | VND                                                                 |                                                                     |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                      |                        | Bảng cân đối kế toán<br>hợp nhất giữa niên độ                       | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh<br>hợp nhất giữa niên độ       |
|                                                                                                                      |                        | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2024 |
|                                                                                                                      |                        | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2025                                         | Ngày 31 tháng<br>12 năm 2024                                        |
| <b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>                                                                                |                        |                                                                     |                                                                     |
| Lợi nhuận chưa thực hiện loại trừ trên hợp nhất                                                                      | (3.622.608.784)        | (768.812.700)                                                       | (2.853.796.084)                                                     |
| Các khoản dự phòng                                                                                                   | (371.493.505)          | (2.744.541.636)                                                     | 2.373.048.131                                                       |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                                                     | <b>(3.994.102.289)</b> | <b>(3.513.354.336)</b>                                              | <b>4.053.670.159</b>                                                |
| <b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>                                                                               |                        |                                                                     |                                                                     |
| Dự phòng đầu tư vào công ty con                                                                                      | -                      | -                                                                   | (429.004.684)                                                       |
| <b>(Thu nhập) chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</b> |                        | <b>(480.747.953)</b>                                                | <b>3.624.665.475</b>                                                |

**33.4 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước**

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang các năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế là 189.021.950.441 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 196.369.146.464 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

|                      |                          | VND                    |                                             |
|----------------------|--------------------------|------------------------|---------------------------------------------|
| Năm phát sinh        | Có thể chuyển lỗ đến năm | Lỗ tính thuế           | Sử dụng                                     |
|                      |                          |                        | Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 |
| 2021                 | 2025                     | 8.159.881.325          | (8.159.881.325)                             |
| 2021                 | 2026                     | 10.177.956.510         | (5.183.860.519)                             |
| 2022                 | 2027                     | 1.975.280.819          | (1.975.280.819)                             |
| 2023                 | 2028                     | 29.109.863.931         | (1.215.735.536)                             |
| 2024                 | 2029                     | 30.916.477.485         | -                                           |
| 2025                 | 2030                     | 125.412.607.430        | (195.358.860)                               |
| <b>TỔNG CỘNG (*)</b> |                          | <b>205.752.067.500</b> | <b>(16.730.117.059)</b>                     |
|                      |                          |                        | <b>189.021.950.441</b>                      |

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế nêu trên do không thể ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

(\*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**33.5 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định**

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

|                     |                                                                            |                                                    |                                                                                          | VND                                                                                                |                                                                                       |
|---------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| Năm<br>phát<br>sinh | Có thể được<br>chuyển thành<br>chi phí lãi vay<br>được trừ thuế<br>đến năm | Chi phí lãi vay<br>chưa được trừ<br>thuế phát sinh | Chi phí lãi vay<br>chưa được trừ đã<br>chuyển sang năm<br>sau tính đến ngày<br>30/6/2025 | Chi phí lãi vay<br>chưa được trừ<br>không còn được<br>chuyển sang<br>năm sau đến<br>ngày 30/6/2025 | Chi phí lãi vay<br>chưa được trừ<br>chưa chuyển<br>sang năm sau tại<br>ngày 30/6/2025 |
|                     |                                                                            |                                                    |                                                                                          |                                                                                                    |                                                                                       |
| 2024                | 2029                                                                       | (*) 844.690.224                                    | 844.690.224                                                                              | -                                                                                                  | 844.690.224                                                                           |
| 2025                | 2030                                                                       | (*) 4.904.735.546                                  | 4.904.735.546                                                                            | -                                                                                                  | 4.904.735.546                                                                         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>    |                                                                            | <b>5.749.425.770</b>                               | <b>5.749.425.770</b>                                                                     | <b>-</b>                                                                                           | <b>5.749.425.770</b>                                                                  |

(\*) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ còn lại trị giá 5.749.425.770 VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 844.690.224 VND) do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được khấu trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Nhóm Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

#### Bên liên quan

#### Mối quan hệ

|                           |                                                                                                                             |
|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Meta Blossom              | Công ty liên kết                                                                                                            |
| 1Social                   | Công ty liên kết (đến ngày 26 tháng 5 năm 2025)                                                                             |
| Media1                    | Công ty liên kết (đến ngày 24 tháng 3 năm 2025)                                                                             |
| Zmedia                    | Công ty liên kết (đến ngày 24 tháng 3 năm 2025)                                                                             |
| 1Game                     | Đầu tư khác                                                                                                                 |
| ADSBNC                    | Đầu tư khác                                                                                                                 |
| Gamify                    | Đầu tư khác                                                                                                                 |
| Shopiness                 | Đầu tư khác                                                                                                                 |
| Bồ Công Anh               | Công ty có nhân sự quản lý chủ chốt là bên liên quan của nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty (đến ngày 3 tháng 2 năm 2025) |
| Công ty Cổ phần Finbase   | Công ty có nhân sự quản lý chủ chốt là bên liên quan của nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty                               |
| Bà Lê Phương Thảo         | Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")                                                                                         |
| Ông Nguyễn Hoàng Giang    | Phó chủ tịch HĐQT                                                                                                           |
| Bà Ngô Thị Vân Hạnh       | Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT                                                                                            |
| Ông Kim Min Soo           | Phó Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT (đến ngày 22 tháng 4 năm 2025)                                                         |
| Ông Đinh Hoài Nam         | Thành viên HĐQT                                                                                                             |
| Ông Đào Phúc Trí          | Thành viên HĐQT (đến ngày 6 tháng 5 năm 2024)                                                                               |
| Ông Yam Kong Fatt         | Phó Tổng Giám đốc                                                                                                           |
| Ông Phạm Minh Tiến        | Phó Tổng Giám đốc                                                                                                           |
| Ông Chế Đoàn Viên         | Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2025)                                                                       |
| Bà Nguyễn Thị Khánh Trang | Giám đốc tài chính (từ ngày 27 tháng 8 năm 2025)                                                                            |
|                           | Quyền Giám đốc tài chính (từ ngày 9 tháng 6 năm 2025 đến ngày 26 tháng 8 năm 2025)                                          |
| Bà Đặng Phương Dung       | Kế toán trưởng (từ ngày 27 tháng 8 năm 2025)                                                                                |
|                           | Quyền Kế toán trưởng (từ ngày 9 tháng 6 năm 2025 đến ngày 26 tháng 8 năm 2025)                                              |
| Ông Nguyễn Văn Nam        | Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")                                                                                                |
| Bà Lê Thị Bích Hằng       | Thành viên BKS                                                                                                              |
| Ông Vương Hồ Trí Dũng     | Thành viên BKS                                                                                                              |
| Bà Lê Thị Hoa             | Thành viên BKS (từ ngày 22 tháng 4 năm 2025)                                                                                |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hương   | Cá nhân liên quan đến nhân sự quản lý chủ chốt (đến ngày 20 tháng 3 năm 2025)                                               |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

| Bên liên quan              | Nội dung nghiệp vụ             | VND                                                        |                                                            |
|----------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
|                            |                                | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 |
| Meta Blossom               | Cung cấp dịch vụ               | 3.311.728.704                                              | -                                                          |
|                            | Vay                            | 1.000.000.000                                              | -                                                          |
|                            | Lãi vay                        | 51.493.151                                                 | -                                                          |
| Công ty Cổ phần Finbase    | Lãi vay                        | 63.123.288                                                 | -                                                          |
|                            | Cho vay                        | -                                                          | 570.000.000                                                |
|                            | Lãi cho vay                    | -                                                          | 214.940.847                                                |
| Ông Chế Đoàn Viên          | Tạm ứng                        | 793.392.064                                                | 86.000.000                                                 |
| Bà Lê Phương Thảo          | Tạm ứng                        | 401.404.994                                                | 236.111.639                                                |
|                            | Thu hồi tạm ứng                | 745.374.951                                                | 126.348.251                                                |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hương    | Lãi vay                        | 32.712.328                                                 | -                                                          |
|                            | Vay                            | -                                                          | 1.600.000.000                                              |
| Bà Ngô Thị Vân Hạnh        | Tạm ứng                        | 246.946.536                                                | 208.046.838                                                |
|                            | Thu hồi tạm ứng                | 265.844.194                                                | 52.927.888                                                 |
| 1Game                      | Cung cấp dịch vụ               | 193.800.000                                                | 102.000.000                                                |
|                            | Cho vay                        | 23.000.000                                                 | 1.525.000.000                                              |
|                            | Lãi cho vay                    | -                                                          | 117.321.908                                                |
| Ông Phạm Minh Tiến         | Tạm ứng                        | 7.700.000                                                  | -                                                          |
|                            | Thu hồi tạm ứng                | 7.700.000                                                  | -                                                          |
| Edigital                   | Cung cấp bản quyền nội dung số | -                                                          | 34.519.709.573                                             |
|                            | Vay                            | -                                                          | 15.080.000.000                                             |
|                            | Cho vay                        | -                                                          | 1.800.000.000                                              |
|                            | Cung cấp dịch vụ               | -                                                          | 1.725.000.000                                              |
|                            | Mua dịch vụ                    | -                                                          | 702.644.920                                                |
|                            | Lãi vay                        | -                                                          | 648.504.544                                                |
|                            | Lãi cho vay                    | -                                                          | 185.110.684                                                |
| Công ty Cổ phần Tera Group | Cho vay                        | -                                                          | 17.560.000.000                                             |
|                            | Mua dịch vụ                    | -                                                          | 4.333.333.334                                              |
|                            | Cung cấp bản quyền nội dung số | -                                                          | 2.216.523.810                                              |
|                            | Lãi cho vay                    | -                                                          | 988.325.015                                                |
| DCC                        | Vay                            | -                                                          | 1.300.000.000                                              |
|                            | Cung cấp dịch vụ               | -                                                          | 21.046.577                                                 |
|                            | Lãi cho vay                    | -                                                          | 20.288.167                                                 |
|                            | Lãi vay                        | -                                                          | 11.065.902                                                 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

| Bên liên quan    | Nội dung nghiệp vụ | VND                                                                 |                                                                     |
|------------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
|                  |                    | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2024 |
| Big Cat          | Cung cấp bản quyền |                                                                     |                                                                     |
|                  | nội dung số        | -                                                                   | 6.138.502.248                                                       |
|                  | Mua dịch vụ        | -                                                                   | 987.600.000                                                         |
|                  | Cho vay            | -                                                                   | 50.000.000                                                          |
|                  | Lãi cho vay        | -                                                                   | 43.151                                                              |
| VMA              | Vay                | -                                                                   | 2.100.000.000                                                       |
|                  | Cung cấp dịch vụ   | -                                                                   | 416.666.667                                                         |
|                  | Mua dịch vụ        | -                                                                   | 198.375.000                                                         |
|                  | Lãi vay            | -                                                                   | 43.012.602                                                          |
|                  | Lãi cho vay        | -                                                                   | 2.617.809                                                           |
| Tingting         | Vay                | -                                                                   | 400.000.000                                                         |
|                  | Lãi vay            | -                                                                   | 25.804.111                                                          |
| Tstudio          | Cung cấp bản quyền |                                                                     |                                                                     |
|                  | nội dung số        | -                                                                   | 344.345.056                                                         |
| Bồ Công Anh      | Tạm ứng            |                                                                     |                                                                     |
|                  | mua dịch vụ        | -                                                                   | 153.800.000.000                                                     |
| Media1           | Lãi vay            | -                                                                   | 79.780.822                                                          |
| Ông Đào Phúc Trí | Thu hồi tạm ứng    | -                                                                   | 5.327.908.126                                                       |

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

|                                         |                    | VND                      |                           |
|-----------------------------------------|--------------------|--------------------------|---------------------------|
| Bên liên quan                           | Nội dung nghiệp vụ | Ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 |
| <b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b> |                    |                          |                           |
| 1Game                                   | Cung cấp dịch vụ   | 212.580.000              | -                         |
| Media1                                  | Cung cấp dịch vụ   | -                        | 643.697.131               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                        |                    | <b>212.580.000</b>       | <b>643.697.131</b>        |
| <b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b> |                    |                          |                           |
| Bồ Công Anh                             | Mua dịch vụ        | -                        | 67.500.000.000            |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

|                                    |                                                      | VND                      |                           |
|------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------|
| Bên liên quan                      | Nội dung nghiệp vụ                                   | Ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 |
| <b>Phải thu ngắn hạn khác</b>      |                                                      |                          |                           |
| Bà Ngô Thị Vân Hạnh                | Tạm ứng                                              | 77.254.677               | 96.152.335                |
| Ông Phạm Minh Tiến                 | Phải thu khác                                        | 65.500.000               | -                         |
| Công ty Cổ phần Finbase            | Chi hộ                                               | 53.378.600               | -                         |
| Ông Lê Phương Thảo                 | Tạm ứng                                              | -                        | 343.969.957               |
| Zmedia                             | Lãi cho vay                                          | -                        | 147.899.158               |
| Ông Chế Đoàn Viên                  | Tạm ứng                                              | -                        | 6.522.276                 |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                   |                                                      | <b>196.133.277</b>       | <b>594.543.726</b>        |
| <b>Vay dài hạn</b>                 |                                                      |                          |                           |
| Edigital                           | Cho vay                                              | -                        | 3.450.000.000             |
| 1Game                              | Cho vay                                              | -                        | 1.450.000.000             |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                   |                                                      | <b>-</b>                 | <b>4.900.000.000</b>      |
| <b>Phải trả người bán ngắn hạn</b> |                                                      |                          |                           |
| Bồ Công Anh                        | Mua dịch vụ                                          | -                        | 4.223.988.009             |
| <b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>   |                                                      |                          |                           |
| Meta Blossom                       | Lãi vay                                              | 26.178.082               | -                         |
| Bồ Công Anh                        | Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo | -                        | 466.749.800               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                   |                                                      | <b>26.178.082</b>        | <b>466.749.800</b>        |
| <b>Phải trả ngắn hạn khác</b>      |                                                      |                          |                           |
| Ông Phạm Minh Tiến                 | Phải trả nhận chuyển nhượng cổ phần                  | 462.000.000              | -                         |
| Meta Blossom                       | Lãi vay                                              | 26.868.494               | -                         |
| 1Social                            | Lãi vay                                              | -                        | 17.505.754                |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hương            | Lãi vay                                              | -                        | 14.087.671                |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                   |                                                      | <b>488.868.494</b>       | <b>31.593.425</b>         |
| <b>Vay ngắn hạn</b>                |                                                      |                          |                           |
| Meta Blossom                       | Vay                                                  | 1.000.000.000            | -                         |
| Công ty Cổ phần Finbase            | Vay                                                  | -                        | 3.200.000.000             |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hương            | Vay                                                  | -                        | 1.350.000.000             |
| 1Social                            | Vay                                                  | -                        | 490.000.000               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                   |                                                      | <b>1.000.000.000</b>     | <b>5.040.000.000</b>      |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập và thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc:

| Họ và tên                 | VND                                                                 |                                                                     |
|---------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
|                           | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Cho kỳ kế toán<br>sáu tháng kết thúc<br>ngày 30 tháng 6<br>năm 2024 |
| Bà Ngô Thị Vân Hạnh       | 1.722.000.000                                                       | 1.500.000.000                                                       |
| Ông Chế Đoàn Viên         | 471.131.000                                                         | 708.871.800                                                         |
| Ông Phạm Minh Tiến        | 912.600.000                                                         | -                                                                   |
| Bà Nguyễn Thị Khánh Trang | 552.966.000                                                         | 545.286.000                                                         |
| Bà Đặng Phương Dung       | 47.280.000                                                          | -                                                                   |
| Ông Nguyễn Văn Nam        | 6.000.000                                                           | -                                                                   |
| Bà Lê Thị Hoa             | 6.000.000                                                           | -                                                                   |
| Ông Vương Hồ Trí Dũng     | 6.000.000                                                           | -                                                                   |
| Ông Đào Phúc Trí          | -                                                                   | -                                                                   |
| Bà Lê Phương Thảo         | -                                                                   | -                                                                   |
| Ông Yam Kong Fatt         | -                                                                   | -                                                                   |
| Ông Kim Min Soo           | -                                                                   | -                                                                   |
| Ông Nguyễn Hoàng Giang    | -                                                                   | -                                                                   |
| Ông Đinh Hoài Nam         | -                                                                   | -                                                                   |
| Bà Lê Thị Bích Hằng       | -                                                                   | -                                                                   |
| <b>TỔNG CỘNG</b>          | <b>3.723.977.000</b>                                                | <b>2.754.157.800</b>                                                |

Ngoại trừ danh sách được liệt kê ở trên, các thành viên còn lại trong HĐQT và BKS không phát sinh thu nhập và thù lao.

**35. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Nợ khó đòi đã xử lý

|                                               | Năm xóa sổ | VND                         |                              |
|-----------------------------------------------|------------|-----------------------------|------------------------------|
|                                               |            | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2024 |
| Tân An Đồng                                   | 2025       | 19.600.000.000              | -                            |
| Something Big SAS                             | 2025       | 8.160.450.000               | -                            |
| Công ty Cổ phần Phát triển Up                 | 2025       | 1.000.000.000               | -                            |
| Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Win | 2025       | 353.983.561                 | -                            |
| Công ty TNHH Yeah1 Vision                     | 2025       | 209.824.729                 | -                            |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                              |            | <b>29.324.258.290</b>       | <b>-</b>                     |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 36. CÁC CAM KẾT

#### 36.1 Cam kết thuê hoạt động (bên đi thuê)

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

|                    | VND                         |                              |
|--------------------|-----------------------------|------------------------------|
|                    | Ngày 30 tháng 6<br>năm 2025 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2024 |
| Dưới 1 năm         | 19.737.404.000              | 22.762.167.500               |
| Từ 1 năm đến 5 năm | 92.885.820.000              | 92.990.060.000               |
| Trên 5 năm         | 46.178.910.000              | 64.650.474.000               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b>158.802.134.000</b>      | <b>180.402.701.500</b>       |

#### 36.2 Cam kết góp vốn

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Nhóm Công ty có các khoản cam kết góp vốn như sau:

|                  | VND                      |                   |                       |
|------------------|--------------------------|-------------------|-----------------------|
|                  | Ngày 30 tháng 6 năm 2025 |                   |                       |
|                  | Vốn cam kết              | Vốn đã góp        | Vốn còn phải góp      |
| CDS              | 10.200.000.000           | 10.000.000        | 10.190.000.000        |
| YSS              | 7.130.060.000            | 12.000.000        | 7.118.060.000         |
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b>17.330.060.000</b>    | <b>22.000.000</b> | <b>17.308.060.000</b> |

### 37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là truyền thông và giải trí và cung cấp bản quyền nội dung số.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

|                                                            | Truyền thông và giải trí | Cung cấp bản quyền nội dung số | Loại trừ          | VND<br>Tổng cộng  |
|------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------------|-------------------|-------------------|
| Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 |                          |                                |                   |                   |
| Doanh thu thuần từ khách hàng bên ngoài                    | 630.870.794.434          | 45.972.563.383                 | -                 | 676.843.357.817   |
| Doanh thu thuần giữa các bộ phận                           | 286.955.408.818          | 25.441.899.529                 | (312.397.308.347) | -                 |
| Tổng doanh thu thuần                                       | 917.826.203.252          | 71.414.462.912                 | (312.397.308.347) | 676.843.357.817   |
| Kết quả hoạt động kinh doanh                               |                          |                                |                   |                   |
| Kết quả kinh doanh bộ phận                                 | 96.132.425.373           | 9.337.925.527                  | (11.313.821.161)  | 94.156.529.739    |
| Chi phí không phân bổ                                      |                          |                                |                   | (79.608.992.952)  |
| Lợi nhuận từ công ty liên kết                              |                          |                                |                   | (112.840.128)     |
| Doanh thu tài chính                                        |                          |                                |                   | 66.658.614.863    |
| Chi phí tài chính                                          |                          |                                |                   | (15.533.996.917)  |
| Lợi nhuận khác                                             |                          |                                |                   | (4.024.033.948)   |
| Lợi nhuận trước thuế                                       |                          |                                |                   | 61.535.280.657    |
| Chi phí thuế TNDN                                          |                          |                                |                   | (2.728.617.644)   |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại                                 |                          |                                |                   | 480.747.953       |
| Lợi nhuận sau thuế                                         |                          |                                |                   | 59.287.410.966    |
| Các thông tin bộ phận khác                                 |                          |                                |                   |                   |
| Chi phí hình thành tài sản cố định                         | 8.554.924.337            | 31.468.115.398                 | -                 | 40.023.039.735    |
| Khấu hao và hao mòn                                        | (2.499.753.874)          | (21.526.333.947)               | -                 | (24.026.087.821)  |
| Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025                               |                          |                                |                   |                   |
| Tài sản và công nợ                                         |                          |                                |                   |                   |
| Tài sản bộ phận                                            | 2.632.552.667.100        | 222.313.190.842                | (436.447.913.017) | 2.418.417.944.925 |
| Tài sản không phân bổ                                      |                          |                                |                   | 227.458.032.321   |
| Tổng tài sản                                               |                          |                                |                   | 2.645.875.977.246 |
| Công nợ bộ phận                                            | 950.862.318.603          | 55.549.850.337                 | (497.601.037.384) | 508.811.131.556   |
| Công nợ không phân bổ                                      |                          |                                |                   | 35.136.605.601    |
| Tổng công nợ                                               |                          |                                |                   | 543.947.737.157   |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

|                                                            | Truyền thông và giải trí |  | Cung cấp bản quyền nội dung số | Loại trừ          | VNĐ<br>Tổng cộng  |
|------------------------------------------------------------|--------------------------|--|--------------------------------|-------------------|-------------------|
| Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 |                          |  |                                |                   |                   |
| Doanh thu thuần từ khách hàng bên ngoài                    | 257.781.773.974          |  | 26.254.690.996                 | -                 | 284.036.464.970   |
| Doanh thu thuần giữa các bộ phận                           | 43.246.572.842           |  | 4.521.136.038                  | (47.767.708.880)  | -                 |
| Tổng doanh thu thuần                                       | 301.028.346.816          |  | 30.775.827.034                 | (47.767.708.880)  | 284.036.464.970   |
| Kết quả hoạt động kinh doanh                               |                          |  |                                |                   |                   |
| Kết quả kinh doanh bộ phận                                 | 11.682.403.394           |  | 22.605.515.255                 | (2.636.678.073)   | 31.651.240.576    |
| Chi phí không phân bổ                                      |                          |  |                                |                   | (67.480.987.173)  |
| Lợi nhuận từ công ty liên kết                              |                          |  |                                |                   | (2.740.102.409)   |
| Doanh thu tài chính                                        |                          |  |                                |                   | 76.991.631.271    |
| Chi phí tài chính                                          |                          |  |                                |                   | (10.756.892.904)  |
| Lợi nhuận khác                                             |                          |  |                                |                   | (2.151.316.716)   |
| Lợi nhuận trước thuế                                       |                          |  |                                |                   | 25.513.572.645    |
| Chi phí thuế TNDN                                          |                          |  |                                |                   | (434.455.909)     |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại                                 |                          |  |                                |                   | (3.624.665.475)   |
| Lợi nhuận sau thuế                                         |                          |  |                                |                   | 21.454.451.261    |
| Các thông tin bộ phận khác                                 |                          |  |                                |                   |                   |
| Chi phí hình thành tài sản cố định                         | (36.651.185.694)         |  | (24.638.833.102)               | -                 | (61.290.018.796)  |
| Khấu hao và hao mòn                                        | (2.253.654.707)          |  | (10.461.163.805)               | -                 | (12.714.818.512)  |
| Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024                              |                          |  |                                |                   |                   |
| Tài sản và công nợ                                         |                          |  |                                |                   |                   |
| Tài sản bộ phận                                            | 1.817.594.106.346        |  | 217.206.581.464                | (323.649.217.501) | 1.711.151.470.309 |
| Tài sản không phân bổ                                      |                          |  |                                |                   | 285.469.215.677   |
| Tổng tài sản                                               |                          |  |                                |                   | 1.996.620.685.986 |
| Công nợ bộ phận                                            |                          |  |                                |                   |                   |
| Công nợ không phân bổ                                      | 776.637.352.805          |  | 68.813.851.876                 | (321.810.738.497) | 523.640.466.184   |
| Tổng công nợ                                               |                          |  |                                |                   | 71.917.657.396    |
|                                                            |                          |  |                                |                   | 595.558.123.580   |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo công văn số 3738/UBCK-QLCB ngày 23 tháng 7 năm 2025, SSC thông báo đã nhận được Công văn số 250/2507/CV/YEG ngày 1 tháng 7 năm 2025 của Công ty thông báo về việc chuyển quyền sở hữu cổ phiếu YEG đang nắm giữ bởi các nhân viên đã chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty trong thời gian hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu thưởng do Công đoàn thu hồi cổ phiếu thưởng theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 242/2507/NQ/HĐQT/YEG ngày 1 tháng 7 năm 2025. Theo đó, Công ty sẽ tiến hành thu hồi 81.615 cổ phiếu do nhân viên chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty trong thời gian hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu thưởng.

Ngoài sự kiện trên và các sự kiện được trình bày ở *Thuyết minh số 7, 9 và 10*, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

  
Lưu Anh Khoa  
Người lập

  
Đặng Phương Dung  
Kế toán trưởng

  
Ngô Thị Vân Hạnh  
Tổng Giám đốc

